

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 4 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 11

Chín Địa nói về cảnh, được chia làm ba:

1. Hai Địa đầu là thể của cảnh. Tất cả đều lấy thức làm tánh.
2. Ba Địa là tướng của cảnh, vì thô, tế khác nhau.
3. Bốn Địa sau là tâm quyết định đều có, không đều có với phần vị cảnh giới, vì “có”, “không”. Thể có hai thì dễ biết; khó biết là trước, sau. Tướng của ba thô tế thành ba; ba phẩm là phần vị trước, sau. Trong bốn vị là Định, tán “có”, “không”:

Hai định đầu hơn, kém là trước, sau; hai định sau, hiển, ẩn là trước, sau.

Dưới đây là bốn Địa nói về phần vị nên có văn này, trong đó Sơ địa, gọi là Tam-ma-hý-đa, Hán dịch nói là Đẳng-Dẫn. Xưa âm là Tam-ma-đề, là hơi sai.

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Định này có bảy tên:

1. Tam-ma-hý-đa: Thích Luận giải thích: “Nghĩa là Địa thắng định lia hôn trầm, trạo cử, v.v... Bình đẳng, Năng dẫn. Hoặc Dẫn bình đẳng; hoặc là bình đẳng đã dẫn phát, nên gọi là Địa-đẳng-dẫn.

Quyển hạ này nói: “Chẳng phải một tánh cảnh của tâm ở cõi Dục. Do đẳng định này không có hối hận vui mừng, yên vui đã dẫn phát, tức dùng ba nghĩa để giải thích Đẳng dẫn:

- Đẳng năng dẫn (chủ thể dẫn)
- Dẫn bình đẳng.
- Vì ba phương tiện bình đẳng đã dẫn phát. chủ thể dẫn, đối tượng dẫn đều có bình đẳng.

2. Tam-ma-địa, Hán dịch là đẳng trì. Bản dịch xưa nói Tam-muội là sai.

3. Tam-ma-bát-đề, Hán dịch là Đẳng chí. Xưa nói rằng Tam-ma-bát-đề là sai.

4. Đà-diển-na, Hán dịch: là Tĩnh-lự. Xưa nói rằng nghĩa thiền không thích đáng.

Hoặc nói rằng: Trì A Na là sai.

5. Chất-Đa-ế-ca-a-yết-la-đa. Hán dịch là Tâm nhất cảnh tánh. Chất -đa, Hán dịch là tâm, Ế-ca, dịch là nhất; A-yết-la, dịch là cảnh; Đa là tánh. Xưa nói “nhất tâm” là tóm tắt.

6. Xa-ma-tha, Hán dịch là “chỉ”

7. Hiện pháp lạc-trụ. Trong quyển sáu mươi ba giải thích là Đẳng-trì tâm, nhất cảnh tánh, Xa-ma-tha và nghĩa trụ. Trong các danh từ này, về Đẳng -dẫn kia có ba giải thích:

Nghĩa như thật. Nghĩa là chung cả hữu tâm, vô tâm, chỉ ở tất cả công đức của Địa vị định. Ba nghĩa Đẳng-dẫn, vì lý do chung, nên tất cả địa vị tán đều chẳng phải địa này. Tam-ma-địa, gọi là một số định của biệt cảnh, gồm thâu chung tất cả trong địa vị hữu tâm.

Tâm nhất cảnh tánh, chung cho cả địa vị định, Tán. Như bốn trường hợp phân biệt trong thích luận. Nhưng các kinh, luận y cứ ở phần vượt hơn, chỉ nói “không”, “vô nguyện” v.v..., gọi là Tam-ma-địa.

Tam-ma-bát-đế, gọi là chung là thể của định đã có trong tất cả các địa vị định hữu tâm, vô tâm.

Trong các kinh luận y cứ ở phần vượt hơn, chỉ nói năm Hiện thấy, v.v... tương ứng với các định, gọi là đẳng-chí. Tĩnh-lự có cả hữu tâm, vô tâm, hữu lậu, vô lậu, nhiễm và bất nhiễm. Dựa vào bốn địa cõi Sắc chẳng phải địa xứ khác. Nhưng các kinh luận đều y cứ ở phần vượt hơn, nên phần nhiều nói là địa cõi Sắc có công đức của tâm thanh tịnh, gọi là lá tĩnh lự. Thể của tâm nhất cảnh tánh tức là Đẳng trì. Xa-ma-tha chỉ có phần vị của tâm, chứ chẳng phải vô tâm, chỉ phần vị tịnh, chẳng phải bất tịnh, chỉ phần vị định, chẳng phải tâm tán.

Hiện pháp lạc trụ chỉ có bốn tĩnh lự căn bản, chẳng phải cận phần. Tâm vô lậu tịnh chẳng phải tán và Vô Sắc. Do đẳng dẫn này gồm thâu chung tất cả công đức của vị định hữu tâm, vô tâm. Vì chung, rộng thông, nên đặt riêng tên Địa.”

Pháp sư Cảnh nói: “Tam-ma-hý-đa, xưa dịch Tam-muội là ngữ sai.”

Pháp sư Thối nói: “Tam-ma-địa, xưa dịch là Tam-ma-bạt-đề là sai, lời của hai Luận sư này có trái nhau.

Nay, cho rằng, tam-muội tức Tam-ma-địa, đúng như Pháp Sư Khuy Cơ đã nói. Vì sao biết? Vì luận Thành-thật nói: “Tam-muội của năm thánh trí.” luận này quyển mười hai chép: “là Tam-ma-địa của

năm thánh trí”

Nguyên Hiếu người Tân-la nói: “Tam-ma-địa và danh nghĩa của Tam-muội đều khác nhau. Cho nên biết? Như trong quyển Kinh Kim Quang Minh ba nói về mười địa định: Ba địa định đầu gọi là Tam-ma-đề; bảy địa định sau gọi là Tam-muội. Nếu một danh từ trong số các tên định đó, mà sự phiên dịch có sai và đúng, thì vì sao một Luận sư trong việc phiên dịch kinh, có khi thì gọi là Tam-muội, đôi lúc lại gọi là Tam-ma-đề, cho nên, biết khác nhau.

Nay, cho là không đúng. Vì kinh Kim Quang Minh nói là Tam-ma-đề, chính là Tam-ma-hý-đa nói ở đây, Hán dịch là Đẳng dẫn. Kinh đó nói rằng Tam-muội, phiên dịch là chánh thọ, nay dịch nghĩa là tam-ma-địa, dịch là đẳng trì, vì hai nghĩa khác nhau.

Các danh từ về định trên đây đều được gọi là ảnh lược lẫn hiển bày, e rằng Luận sư Nguyên Hiếu không phân biệt hai chữ: “Địa”, “Đề”, nên đã lẫn lộn, nêu lên vấn nạn này? nhưng lại dốc lòng phiên dịch mới kinh kim Quang Minh 10 quyển.

Định Thập Địa đều gọi là Tam-ma-địa, đây là do người phiên dịch giải thích âm không đồng.

Trong địa này, trước là kết trước, sinh sau, về sau triển khai giải thích rõ ràng. Trong đó đầu tiên triển khai năm môn. Hai là mở nêu để giải thích. Trong đó, phần mở nêu có năm môn, hai là y theo môn giải thích.

Trong phần trước lại có hai:

1. Tụng nêu năm môn.
2. Văn xuôi thích hợp về văn tụng. Sau hết về các nghĩa tạp nạp tức hội nhập yếu tông của các kinh.

Giải thích trong cương yếu tông chỉ các kinh đó dưới đây, sẽ được trình bày qua các kinh pháp tướng như Bát giải thoát, v.v... tạp nghĩa của các kinh đó cũng giải thích các nghĩa xen tạo, tản mát của các kinh. Vì đều giải thích kinh, nên thành lập một môn. Đối với môn An lập; chỉ giải thích tĩnh lực, không giải thích về giải thoát; Đẳng trì, Đẳng chí.

Trong cương yếu của tông chỉ dưới đây vì mới giải thích có ba, nên dựa vào môn giải thích có bốn:

1. Nêu chung.
2. An lập.
3. Tác ý và sở duyên (đối tượng duyên)
4. Giải thích kinh.

Hai phần ba và bốn kết hợp nói, nên thành bốn.

Trong nêu chung có hai:

1. Nêu bốn môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Về danh từ bốn tĩnh lực, như đã được ghi chép giải thích trong quyển thứ năm ở trước. Phế lập, thêm, bớt như quyển sáu mươi ba nói.

Trong đẳng trì có mười một môn. Không giải thích môn thứ mười một, vì dễ, lại ở địa vị Thanh văn mới giải thích.

Bốn tu định:

1. Vì được hiện pháp lạc trụ.
2. Vì được trí kiến.
3. Vì được phân biệt tuệ.
4. Vì được lậu tận.

Năm thánh trí: Nghĩa là tự thể trí; bổ-đặc-già-la trí; là thanh tịnh trí; quả trí và nhập xuất định trí.

Năm chi thánh: Hiện pháp lạc trụ là bốn. Xét quán pháp duyên khởi và vì dứt trừ kiết, phược của pháp khác là chi thứ năm.

Có nhân, có đủ chánh thánh. Nghĩa là năm chánh kiến; chánh tư duy; ngữ; nghiệp và mạng, gọi là có nhân. Ba chánh kiến, chánh tinh tấn và chánh niệm, gọi là có đủ. Bảy chi này với Tam-ma-địa của chánh thánh là nhân.

Trong Đẳng-chí có sáu môn; tám thắng xứ; mười biến xứ, nhân giải thoát, đã giải thích tóm tắt xong, không giải thích nữa. Giải thích bố Vô Sắc trong quyết trạch, v.v..., vì không khác với giải thích nên cũng không giải thích.

Trong môn an lập, trước chung, sau riêng.

Do Đẳng định này không có ăn năn, vui mừng, an vui đã dẫn phát. Nghĩa là do tâm trì giới, tức là không ăn năn. Vì không ăn năn, nên vui mừng; vì vui mừng nên được an ổn; vì yên ổn, nên được định. Vì thế, nên đẳng dẫn này chẳng phải ở cõi Dục. Cũng chẳng phải hoàn toàn không có xem xét, quán xét chân chính về pháp trong cõi Dục.

Trong phần khác nhau có bốn:

- 1/ An lập ly sinh hỷ lạc.
- 2/ An lập cái, chướng (che phủ, ngăn ngại)
- 3/ An lập chi phần.
- 4/ An lập tên định.

Trong phần đầu có ba:

- a. Dẫn kinh nêu lên
- b. Tùy theo giải thích riêng.

c. “Đức Thế Tôn đối với phương tiện vô lậu”

Trở xuống, là giải thích Tam-ma-địa và giải thoát, khó khăn trở ngại trước sau.

Vì muốn dẫn phát hỷ, v.v..., nên chỉ bày rõ ràng về đối tượng lìa, đối tượng chứng (sở chứng), chuyển y vô vi, gọi là lìa.

Lại, năm pháp tu tập viên mãn. Nghĩa là chỉ rõ pháp do chuyển-y sinh ra, vui mừng đều lấy hỷ thọ làm tánh. Không ăn năn thì dẫn sinh vui vẻ tốt lành sâu sắc, lập nên hai khác nhau. Sự yên vui đều lấy lạc thọ làm tánh. lìa các thô nặng, được dẫn phát khinh an, khinh an đã dẫn sinh quả vui, lập ra hai khác nhau.

Quyển năm ở trước nói: “Ly sinh hỷ lạc, nhưng hai thọ này đều có sự vui vẻ, vừa ý này, đều do ý nảy sinh, gọi là chung là hỷ. Ở đây, chỉ nói ly sinh hỷ. Không như vậy, các văn sẽ sai trái về gốc độ.”

Không nói xả trong đực đã dẫn phát, muốn được dẫn xả mà chẳng phải vì hôn hỷ, vui vẻ, ưa nhằm chán Dục ác, mà chẳng phải đối tượng đoạn, không khéo dẫn xả tánh bất thiện nên chính là sở đoạn, vì vậy mà nói là không đồng.”

Hỏi: “Sát sinh, chủ yếu phải là nghiệp đạo sân nhuế, rốt ráo đều có với sân nhuế. Sân là tánh buồn bực, làm sao có với hỷ?”

Giải thích rằng: “Quyết trạch quyển hạ nói: “Sân với hỷ đều có, cho nên không có trở ngại.”

Hoan, Nghĩa là từ xưa đến nay thanh tịnh. Hành. Nghĩa là quán Địa tư lương, người đã tu tịnh hạnh, v.v... Ý ttrong đây nói, vì địa vị của đạo gia hạnh mới tu Đẳng dẫn, trụ ở địa Tư lương mới tu tịnh hạnh, trì giới thanh tịnh, sinh không ăn năn, v.v... Trong khi tu định, phương tiện xa trước kia chủ yếu, trước là giới tịnh, gọi là Địa-tư lương, chẳng cần nhập vị, mới tu Đẳng dẫn.

Giải thích trong khó khăn, trở ngại trước, sau, có ba kinh không đồng:

1/ Trước nói Tam-ma-địa, sau, nói giải thoát.

2/ Trước nói giải thoát, sau nói Tam-ma-địa.

3/ Nói cả hai đạo cùng lúc (đồng thời)

Từ trên đến đây, đã dẫn lìa năm pháp ác, trước nói giải thoát, tu tập năm pháp, sau nói Tam-ma-địa, thích hợp với kinh thứ hai, đã trái với luận này, nay sẽ giải thích:

Định căn bản trong đây gọi là Tam-ma-địa, dứt trừ hàng phục phiền não, gọi là giải thoát. Do phần nhiều vì dựa vào Địa căn bản để dứt trừ các phiền não, nên trước nói Tam-ma-địa, sau nói giải thoát.

Chẳng phải không dựa vào phần đầu, trước dứt phiền não, sau được căn bản. Trong hữu lậu, phần nhiều dựa vào phần gần, dùng sáu tác ý để khuất phục phiền não ở trước, vì tác ý của quả rất ráo gia hạnh thứ bảy nhập địa căn bản, cũng có tác ý thứ bảy ở địa cận phần là Đạo giải thoát, về sau, mới được căn bản.

Trong đây nói do chứng quả tác ý gia hạnh rất ráo, nên phiền não đã dứt rồi, mới được Tam-ma-địa căn bản. Nếu không như vậy, tức là trái với thuyết mà Đối-Pháp, v.v... nói.

Tác ý thứ bảy ở Địa căn bản, tác ý trong trường hợp đều có chung và định đều có là vô lậu giải thoát đều có, nghĩa là dứt hạt giống phiền não: Tác ý rất ráo gia hạnh ở định vị chí, đã dẫn tác ý quả, nhập vào định căn bản, gọi là Tam-ma-địa. Định này đều cùng lúc (đồng thời) là đạo giải thoát chứng vô vi giải thoát. Cho nên nói là Tam-ma-địa đều có với giải thoát, chứ chẳng phải là định đồng thời tác ý rất ráo gia hạnh, gọi là Tam-ma-địa và đẳng trong Tam-ma-địa của đạo Vô gián khác, đây là nói tiền phương tiện ở địa Vị Chí dựa vào địa căn bản, khởi đạo Vô gián vô lậu. Hai địa này đã dẫn đạo giải thoát đều có trong Tam-ma-địa. Chủ thể dứt “hoặc” này gọi là giải thoát đều có, chẳng phải cho rằng, tác ý của hai hữu lậu ở trước, có khả năng chế phục “hoặc”, gọi là đạo Vô gián khác. Đạo này không đều có với Tam-ma-địa đã dẫn đạo giải thoát cũng không nhập căn bản.

Hữu lậu, vô lậu đều nói là Phương tiện. Nghĩa là chưa được quả vô học viên mãn, gọi là Phương tiện. Vì nói dứt “hoặc” là giải thoát, nên nói sơ lìa sinh hỷ. Định khác sinh, v.v... thì rất dễ hiểu.

Hoặc trường hợp đều có này, tức là đạo Vô gián của địa Vị Chí, gọi là Tam-ma-địa. Vì đạo này có năng lực giải thoát chướng, nên gọi là giải thoát với Tam-ma-địa trước và thể giải thoát không đồng dùng làm trường hợp đều có, vì đối tượng so sánh riêng.

Trong cái chướng của môn An-lập thứ hai có hai:

1. Nói về tướng cái.
 2. Nói về thức ăn chẳng phải thức ăn.
- Tướng cái có hai:
- a. Nêu, bày.
 - b. Giải thích riêng.

Trong cái hôn trầm, thù miên: Trước là giải thích riêng về tướng sau, kết hợp lập nguyên do của cái là không giữ gìn căn môn, v.v..., như Địa Thanh Văn nói: “Tâm cực vị lược”. Như Luận Duy-Thức nói: “giả hợp lập trong cái, dùng hai lần “lại nữa” để giải thích: Điều cử, ác

tác trong cái, đầu tiên, là bày ra, giải thích hai tướng. Sau, kết hợp giải thích, lập ra nguyên do của cái.

Trong nguyên do có hai lần “lại nữa”:

1/ Giải thích lý do đều “duyên” xứ sở thân thuộc, v.v..., nên lập chung một “cái”.

2/ Giải thích về nguyên do vì hành tướng của cái giống nhau, nên lập chung một cái.

Trước là giải thích riêng trong tướng ác tác có ba thời gian:

a. Lúc ở tục.

b. Xưa, vì sao ta không xuất gia từ nhỏ, để đến lúc này mới xuất gia?

c. Hoặc nhân nhớ lại những gì đã từng trải rồi đến thời gian sau mới xuất gia.

Giải thích tướng giống nhau, văn cũng có ba;

a. Lại, đối với việc nên làm, không nên làm, cho đến việc chẳng nên làm lại làm. Giải thích về sự ăn năn trong hai thời gian: Nên làm mà không nên làm, chẳng nên làm trái lại làm, đều chung cho người ở tục mới xuất gia.

b. Trừ hối tiếc về trước đã nảy sinh ác tác.

Thứ hai, là giải thích việc xuất gia ở trước, thời gian sau sanh khởi ác tác, trừ sự hối tiếc ở trước đã sinh ác tác, v.v..., trừ ra lúc ở tục đã khởi ác tác. Triền ác tác này cũng chưa thể bỏ, nghĩa là khi mới xuất gia đã khởi ố tác, cũng chưa bỏ được. sau đó, lại nảy sinh lo buồn, luyến tiếc ác tác, nghĩa là nhớ lại chuyện trước kia đã từng đùa giỡn, cười cợt, v.v... mà sinh khởi.

Lại nữa, xuất gia về sau, sự khác nhau của một thứ ác tác.

Từ trên đến đây, hai thứ thuộc ba thời gian trước kia đã có ác tác. Nơi mà ác tác ở tục có thể khởi, có thể đồng với cảnh giới của điệu cử. Xuất gia mới khởi hành tướng ác tác, chỗ không nên khởi, gọi là ác tác phi xứ.

Vì thế, nên luận quyển ba, văn tổng kết nói rằng: “Sau, trước đã sinh ác tác phi xứ và sau khi xuất gia đã khởi ác tác, dù không đồng với chỗ của điệu cử, nhưng giống nhau về tướng, chẳng phải chỉ đồng cảnh với ác tác, mà nỗi lo buồn lưu luyến, kết hợp với điệu cử để lập, không đồng với hai cảnh sau khi xuất gia. Vì sự ăn năn cũng lo buồn, lưu luyến nên lập chung cái, chẳng phải thể của điệu cử không khắp tâm nhiễm. Nhưng, hành tướng tăng vào thời gian này chẳng phải có, vì nói chỗ không đồng, không trái với lý Duy-thức.

Trong nghi, đối với sư, hai bảo Phật, Tăng; đối với pháp là lý; học là hạnh. Hối là giáo; thể là quả, tức bốn pháp bảo: Giáo, lý, hạnh, quả. Do “hoặc”hoài nghi đối với Tam-bảo, nên không thể thu nhập Đạo đế phương tiện mạnh mẽ và chánh đoạn Diệt đế vắng lặng. Hoặc phương tiện, nghĩa là đạo gia hạnh; chánh đoạn, nghĩa là Đạo đế; tịnh, nghĩa là diệt đế.

Dưới đây, là nói về thức ăn, chẳng phải thức ăn.

Thức ăn: Nghĩa giúp đỡ nuôi lớn, sinh thêm duyên cái. Chẳng phải thức ăn, nghĩa là pháp dứt diệt cái. Nếu là người xa lìa được tâm nhiễm, v.v... này, thì nêu cử lý do của tướng tịnh diệu.

Chín não sự. Như quyển năm mươi lăm chép: “Ánh sáng của pháp: Như có một người tùy từng đối tượng thọ; đối tượng tứ; đối tượng xúc, thì văn, tư, tu tuệ như thứ lớp phối hợp, quán sát các pháp chung cả ba tuệ trên. Lại, chứng quán sát chủ thể đối trị sự đen tối của hôn trầm, thù miên. Chứng, nghĩa là tu pháp tuệ, rằng tuệ xúc trong định tụ hội gọi là chứng. Do ánh sáng của pháp, tuệ văn, tư, v.v... trừ si và nghi. Ở địa vị tu tuệ, trừ được hôn trầm, thù miên, vì khả năng làm sáng tỏ tánh các pháp, nên gọi là ánh sáng của pháp; dùng làm chẳng phải thức ăn.

Cười; Như có một người hoặc do khai luận, hoặc do hợp luận, v.v..., nói năng rõ ràng, gọi là khai luận, hoặc do hợp luận, v.v... Giấu kín, ước dụ kết hợp với nói năng, để cho người ta hiểu, gọi là hợp luận. Mở miệng mà cười, gọi là lộ răng; phát ra tiếng trong cổ họng, gọi là a á.

Chín thứ trụ tâm. Nghĩa là như Thanh Văn Địa quyển mười ba, Đối-Pháp quyển 10 đồng giải thích.

Hữu duyên duyên khởi. Hữu duyên, nghĩa là pháp quả; duyên khởi, nghĩa là pháp nhân.

Trong phần chi của môn an-lập thứ ba có hai:

1. Dựa vào Địa để lập ra số.
2. Nói về phế lập.

Trong phần đầu, giải thích về danh. Chi là phần chi, như chi giác đạo. Tát-ba-đa nói: “Định là tĩnh lực, cũng là chi tĩnh lực, định khác là chi tĩnh lực chẳng phải tĩnh lực.

Nghĩa như thật. Nghĩa là như bốn chi quân, vì đều đối trị ba xã niệm tri, dựa vào địa vị định, đồng có thể dứt trừ chướng, gọi là nội đẳng tịnh. Vì tịnh các chướng, cái khác gọi là có thể, giải thích nói về thể là bậy. Dựa vào hai định đầu, là lạc thọ. Vì thể của nội đẳng tịnh chẳng phải tín.

Ngài Tam Tạng nói: “Trừ định vị, trong hai định còn lại đều lập chi hữu. Nếu hai thứ tâm, từ trong định định hữu lậu đều có với tu tuệ, thì tùy theo lúc tu công đức nào ở phương tiện trước, được có tâm, từ, nếu đến căn bản, thì không có tâm, từ. Nếu ở trong tám chánh đạo hữu lậu, thì lập thể của tâm là chánh tư duy.

Y cứ trong chi tám chánh vô lậu, nếu trí hậu đặc đều có, thì đối với tâm, từ, thường lập chánh tư duy khởi lời nói. Trí Vô phân biệt đồng thời với tám chánh, y cứ vào nghĩa thể của một tuệ nói là hai. Vì lìa tà kiến, nên gọi là chánh kiến. Lìa tà tư duy, nên gọi là chánh tư duy. Vì chứng trí chẳng phải nhân của ngôn thuyết, nên không y cứ ở thể của tâm kia để lập chánh tư duy.

Do kinh Thập Địa chép: “Vì sao tịnh giác nhân, v.v..., nên biết rằng, trí hậu đặc khởi, nói là tương ứng với tâm, nói nghĩa một thể của hai thứ hỗn hởi, vui vẻ. Nếu khiến ý thức tâm vui vẻ, gọi là hỷ. Nếu khiến Lại-da và bên sắc thân, vui vẻ, gọi là lạc. Đây là dựa vào văn của Đối-pháp. Nếu nói theo Du-già để nói, sẽ khiến đối tượng nương tựa Lại-da vui vẻ, gọi là lạc. Lại-da dù biết rằng thường là xả thọ, nhưng ở chốn khổ địa ngục, v.v..., cũng khiến đã nương tựa Lại-da, không yên vui, vừa ý nhiều. Nếu ở xứ vui của người, trời, tức khiến Lại-da vui vẻ, vừa ý, yên ổn.

Trong hai định đầu dù gọi là hỷ lạc, nhưng đều có tánh hỷ thọ, để nói về môn công đức và phiền não tương ứng với Thọ. Chỉ nói hai định đầu tương ứng với hỷ căn, không nói đều có với lạc căn.

Kế là trong phước lập, tâm, từ của sơ định là lấy sở duyên (đối tượng duyên), v.v... Đối-Pháp nói ba, nghĩa là tâm, từ là đối trị; hỷ lạc là lợi ích; định là sở y (đối tượng nương tựa).

Trong đây nói bốn. Pháp sư Thối nói: “Lấy chung ba nghĩa để giải thích về chi tĩnh lự. Vì đem ba nghĩa của luận Đối-Pháp để gồm thấu bốn nghĩa này, nên ở đây nói chi, đại khái có hai: “Ôn nặng, thêm hỷ lạc, v.v... có lợi ích cho người tu hành.

Nếu pháp có hai nghĩa này thì lập chi định. Vì tuệ tư, v.v... khác không có hai nghĩa này, nên lược qua không nói.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Trong đây nói tâm, từ là lấy sở, sở duyên (chủ thể duyên, đối tượng duyên). Nghĩa là quán tùy theo cảnh thích ứng, là chủ thể đối trị; định là đối tượng nương tựa. Hỷ nhận lãnh sở đặc lạc, trừ thô nặng. Tâm vui vẻ, thích hợp được gọi là hỷ; thân cảm thấy nhẹ nhàng vui vẻ, thì gọi là lạc. Thô nặng ở thân, lạc sinh ra, diệt ở thân kia, gọi là trừ, chẳng phải trừ “hoặc của địa dưới. Trừ “hoặc” của

địa dưới, nghĩa là vì chỉ tâm, từ tức chỉ rõ các xứ, nên nói chỉ lợi ích có hai nghĩa:

1. Nhận lãnh cảnh sở đắc.
2. Trừ chướng thô nặng.

Định thứ ba, thứ tư lấy sự nhận lãnh sở đắc, tức trừ thô nặng; lại không có chỗ riêng. Vì đủ hai công năng nên vừa ý vui vẻ, vì các căn xả thô nặng.

Trong các tĩnh lực, dù có pháp khác, nhưng tĩnh lực này vượt hơn. Đối với người tu định, vì là ơn nặng nên lập riêng là chi. Nhưng về nghĩa của chi thiền này, nếu phân biệt rộng, đến quyển sáu mươi ba sẽ giải thích rõ hơn.

Trong an-lập tên định thứ tư, trước giải thích danh hiệu riêng, sau giải thích tên chung.

Trong phần đầu, cho đến định thứ tư, nói rằng “sự khác nhau của xã niệm thanh tịnh, nên biết”, nghĩa là giải thích về sự khác nhau có hai:

1. Giải thích chung về sự khác nhau của bốn tĩnh lực: Như có tâm, có từ; tâm, từ vắng lặng; hỷ vắng lặng; lạc vắng lặng; xã niệm thanh tịnh, v.v...

2. Giải thích: Chỉ đối với ba thiền, để nói về sự khác nhau. Ba thiền cũng có xã niệm, không gọi là tịnh vì chưa lìa phiền não, v.v... trở lên. Tĩnh lực thứ tư vì lìa hết chướng, nên có tên xã niệm được thanh tịnh, cho nên nói: “Sai khác nên biết”

Sau đây, giải thích về tên chung có năm:

1. Tăng thượng tâm.
2. Hiện pháp lạc trụ.
3. Niết-bàn phần kia.
4. Niết-bàn sai khác.
5. Nêu ra các việc thọ.

Văn được chia làm bốn: Thứ ba, thứ tư, hợp phân biệt.

Tăng thượng tâm. Nghĩa là thể của định gọi là tâm; tức vì thể của định thanh tịnh, nên hay lo nghĩ. Cũng có thể do tâm vương đồng thời có thanh tịnh, khiến cho định kia thường xem xét nghĩ lường thích đáng.

Trong hiện pháp lạc trụ: Trước là giải thích về lạc. Kế là giải thích hiện pháp trụ, sau là giải thích Vô Sắc không gọi là sở so. Lãnh thọ lạc hỷ. Nghĩa là hỷ thọ và lạc thọ.

An vui, nghĩa là vui khinh an, xã lạc, là xã niệm vui của xã thọ, thuận với thân tâm, vui vẻ, đều gọi là lạc, nghĩa là vui được thư thối vui

về.

Lạc trụ. Nghĩa là quyển sáu mươi ba chép: “Buộc trói tâm ở bên trong, vì không chạy rong, tản mát, nên trụ, năng dẫn sinh lạc, gọi là lạc trụ. Do đây, Bồ-tát địa nói; “vui hữu lậu thuộc về ba cõi; vui vô lậu, không thuộc về hệ.

Nay, dựa vào thân, tâm, đều có bốn thứ vui: Hỷ lạc; lạc lạc; an lạc; xả lạc. Cho nên bốn tĩnh lự được gọi là lạc trụ. Cõi Dục không có hai thứ vui sau; cõi Vô Sắc không có hai thứ vui đầu, cho nên dù niềm vui hiện tiền, vẫn không gọi là Lạc trụ.

Lại hỷ lạc, là niềm vui của Sơ thiên, Nhị thiên. An lạc, là niềm vui của đệ Tam thiên. Thân, tâm lạc, nghĩa là phân biệt lý do phi lạc trụ của cõi Vô Sắc.

Vấn nạn thứ tư có xả thọ. Xả thọ gọi là xả lạc. Bốn Không có xả thọ, lẽ ra cũng gọi là xả lạc?”

Cho nên, nay giải thích: “xả lạc kia chỉ có tâm vui, đây là có niềm vui của thân tâm, cho nên chỉ xả lạc này gọi là lạc trụ, chứ chẳng phải Bốn Không.

Bí-sô A-luyện-nhã (A-lan-nhã) bèn chê bai nói: “Nay, ta hỏi: Siêu Sắc, Vô Sắc, vắng lặng, giải thoát, mà không thể ghi nhận, v.v... ”

Ý này nói: “Định Vô Sắc gọi là siêu sắc; định vô lậu, gọi là siêu Vô Sắc. Hai định này gọi là vắng lặng giải thoát. Nay là nói định của cõi Vô Sắc chẳng phải lạc trụ. Bốn tĩnh lự cõi Sắc, gọi là vắng lặng, giải thoát là hiện pháp lạc trụ.”

Có giải thích: “Siêu sắc, Vô Sắc. Nghĩa là chẳng phải ngoài sự vượt qua, nên nói là Siêu. Vì chỗ rất cùng tốt, nên nói là Siêu. Như hỷ là đẳng cấp cùng tốt của Nhị thiên, vì dứt một phần phiền não, vì chẳng quyết định, nên gọi là phần kia.

Niết-bàn, nghĩa là định tịnh, vị định vô lậu, định gọi là một phần. dứt vị định kia, gọi là vị dứt một phần của các phiền não. Có nghĩa vắng lặng, gọi là Niết-bàn. Do hữu vi này nhanh chóng động, chẳng phải là vô vi quyết định, vắng lặng, gọi là phần Niết-bàn kia. Tịnh và thể vô lậu là hữu vi, thật chẳng phải Niết-bàn, chỉ vì y cứ không có “hoặc”, phần ít giống với Niết-bàn kia, vì chẳng quyết định, nên gọi là phần Niết-bàn kia. Hoặc tịnh hiện hành của bốn tĩnh lự, vì dứt một phần phiền não, nên hạt giống chưa dứt. Về sau trở lại vì lui sụt nảy sinh phi quyết định, nên gọi là Niết-bàn của phần kia.

Vì lời nói chẳng phải rõ ràng, nên gọi là Niết-bàn sai khác. Nghĩa là do lìa phiền não, tùy từng phần vắng lặng, giả nói là Niết-bàn, hằng

phải rất ráo vẳng lạng, nên nói là Niết-bàn sai khác.

Tên thứ năm, trong sự phát ra các thọ có bốn:

1. Nêu bốn, dẫn kinh để chứng thành.
2. Với năm cõi thuận xuất ly, xoay vần nhiếp thuộc nhau.
3. Nhân giải thích về sáu kinh Xuất Ly Giới.
4. Giải thích lia các lỗi, gọi là xuất ly y.

Trong phần đầu có ba:

- a. Nêu bốn xuất ly.
- b. Giải thích kinh xuất ly.
- c. Hỏi đáp, nói về xuất ly có ba nghĩa: một là nghĩa bất hành, hai là nghĩa diệt thô trọng, ba là nghĩa lia nhiễm.

Sơ định lia ưu, đủ ba nghĩa này. Nhị định lia khổ, chỉ có nghĩa diệt thô nặng về nhiễm, đầu tiên đã xả, về sau cũng còn hiện hành. Ba thứ lia sau, diệt đủ thô nặng và nghĩa lia nhiễm. Vô tướng lia xả, chủ yếu là địa vị vô học. Sự phân ly của địa vị khác không được gọi là lia.

Giải thích trong kinh Xuất Ly có hai:

1. Giải thích kinh Ly Ưu.
2. So sánh với các kinh lia khác.

Như thế, đối với kinh lia khác, tùy thích hợp, phải biết văn.

Biết nêu: Nêu là căn do, tướng năng phát, nghĩa là căn cảnh, v.v...

Hạt giống vô tri. Nghĩa là vì người không có biết, phần nhiều khởi ưu, đây đều gọi là nêu. Nếu chẳng phải nhiễm ưu, cũng nói là do si khởi. Lại, hạt giống phiền não đều năng khởi ưu. Vô tri là gốc, chỉ nói hạt giống phiền não kia là do tánh của ưu căn bất thiện này. Do si bị hao hụt, lia dục thì phải xả. thứ khác cũng vì tùy theo không có vô tri diệt. Giả sử có “phân biệt”, mà chẳng phải “câu sinh”, lia dục cũng xả, vì loại bạn của ưu căn “câu sinh” đã xả.”

Trong hỏi đáp có ba:

1. Tướng các căn.
2. Nói về khổ căn.
3. Giải thích vô tướng.

Khổ căn trong sở tính lự, thô nặng, cũng chưa dứt. Nghĩa là do các ưu căn, vô tri đẳng dẫn. Lúc sở tính lự kia lia nhiễm, tất cả không hành thô nặng cũng xả.

Nếu đối với pháp vô thượng, mong cầu, kính mến buồn rầu, cũng do vô tri dẫn phát, nên lia dục, xả mà do các khổ căn mà có, không do si dẫn phát, lia dục vẫn còn hiện hành. Cho nên, vì sự thô nặng kia không

có tánh chịu đựng gánh vác, nên hai định mới diệt.”

Hỏi: “Khổ căn do lìa dục khởi, hai thiền thô nặng diệt, hỷ, lạc lìa xã địa dưới; địa trên trừ thô nặng?”

Đáp: “(Đối tượng nương tựa của khổ căn) khổ căn đã nương tựa và vì tâm, từ có ở sơ định, nên hai thiền diệt. Vì đối tượng nương tựa của hỷ, lạc không có dẫn phát riêng, nên khi lìa nhiễm, thô nặng mất. Nếu tính lự đã dứt khổ căn thì tức là hành giả nhập sơ tĩnh lự và, thời gian thứ hai sẽ tiếp nhận sự sai khác của đối tượng tác, trụ, lẽ ra không có ngang đồng? Ý này nói: “sơ định diệt ưu; hai định diệt khổ. Do việc này, nên dù có hiện pháp lạc trụ, vẫn trở thành sai khác.

Nếu đã diệt khổ trong sơ định, thì hai định sẽ không có hiện pháp lạc trụ riêng, lẽ ra không có khác nhau?

Kinh nói; “Tĩnh lự do thọ sai khác, nên trụ trở thành sai khác. Lại, vì đoạn thọ có sai khác này, nên tâm từ của sơ định không vắng lặng, sự thô nặng không đoạn diệt. Trong hai định có vắng lặng thì thô, nặng mới đoạn diệt. Nếu khổ căn trong sơ định đã đoạn thì sự thô nặng này lẽ ra không có riêng.

Lại, vô tướng, nghĩa là “đẳng”, Luận sư Cảnh nói: “tâm định vô lậu của người Vô học “duyên” cảnh chân như, gọi là vô tướng. Do phiền não tương ứng với xã căn, là phiền não tạp nhập; hoặc lìa phiền não “duyên” trói buộc, đều là thô nặng trên thể của xã căn.

Nay, nói chủ thể trói buộc hạt giống “hoặc” của xã căn, gọi là tùy miên. Diệt hạt giống “hoặc” đó trong định vô tướng, gọi là diệt tùy miên, chứ chẳng phải diệt hiện thọ, gọi là diệt xã căn, vì trong định vô tướng, gọi là diệt tùy miên, chứ chẳng phải diệt hiện thọ, gọi là xã căn, vì trong định vô tướng tất nhiên đã có thọ. Do thọ chẳng phải tánh phiền não, nên hạt giống của các thọ không gọi là tùy miên. Cho nên nói rằng: “Chẳng phải các thọ kia được có tùy miên, mà “duyên” xã thọ, vì phiền não đoạn, nên nói xã thọ đoạn. Sự thô nặng của phẩm phiền não kia được gọi là tùy miên.”

Pháp sư Thối nói; “Người vô học lúc quán “không”, lấy tướng hạt giống của xã căn diệt hẳn. Triền cứng của tùy miên, gọi là thô nặng. Vì thô nặng không có đoạn khác, nên gọi là diệt hiện hạnh. Vì sao? Vì trụ định vô tướng, tất nhiên, có “duyên” xã nhau. Nay, xã hạt giống của triền hiện khởi, gọi là tùy miên là vì giả gọi là, chứ chẳng phải các thọ của hỷ lạc kia có được tùy miên thô nặng. Vì dứt phiền não tạp nhập kia, nên gọi là đoạn. Hạt giống các thọ của phẩm phiền não kia, gọi là tùy miên.”

Pháp Sư Khuy Cơ nói; “Hữu lậu xã hạt giống là phiền não trói buộc, giả gọi là tên tùy miên là thô nặng. Nhập vào định này nói là đoạn. Vô lậu hiện hành xã, giả gọi là hiện triền ở định vẫn khởi, chẳng phải các thọ kia là do nhiễm phiền não, mà có được tùy miên, tức tùy miên này được gọi là thô nặng, chứ chẳng phải thọ vô lậu mà không có hạt giống.”

Có giải thích: “Chẳng phải diệt hiện triền. Nghĩa là chẳng phải diệt tương ứng với “duyên” phiền não ràng buộc đã ràng buộc thể của xã căn. Đây là nêu khả năng tương ứng với phiền não, v.v... mà lấy xã căn bị ràng buộc, gọi là hiện triền này.

Lại, xã căn này thật sự chung cho cả chín địa. Nay, y cứ chỉ địa xã, nên nói năm địa.

Thứ hai, thuận với năm xuất ly, xoay vần gồm nhau. Văn có ba:

1. Nhắc lại giải thích lời nói xuất ly.
2. Giải thích vấn nạn gây trở ngại.
3. Tạp giải thích kinh.

Do dục, nhuế, hại xuất ly, tức nói cho đến lạc căn xuất ly. Nghĩa là đầu tiên, dục xuất ly tức quán bất tịnh. kế đến nhuế xuất ly, tức là từ quán. Sau, hại xuất ly, tức là bi quán.

Ba xuất ly này tức là bốn căn xuất ly: Ưu; khổ; hỷ; lạc, do từ, bi thông suốt ở bốn tĩnh lự mà được từ, bi trong tĩnh lự, thứ tư tức bốn thọ xuất ly, do xuất ly cõi Sắc tức là nói xuất li xã căn của định thứ tư.

Do Tát-ca-da (thân kiến) diệt, tức định vô tướng, lúc lìa hết nhiễm ba cõi sau cùng, nói là xuất li xã căn của cõi Vô Sắc. Hai thứ sau này đều gọi là xuất li xã căn.

Thuận với lời nói xuất ly có những gì?

Do người trụ quán này vì khả năng xuất ly, nên gọi là người thuận với xuất ly. Người trụ quán này là người vô học, thuận theo quán này, gọi là thuận xuất ly. Không nói là do đây mà xuất ly kia. Nghĩa là không nói người học phạm phu do năm quán này xuất ly tham, nhuế, hại, v.v... kia.

Nói là người lìa dục, là nói người của cõi này, có nghĩa là đã lìa người dục của ba cõi, nói năm thứ quán này thuận với cõi xuất ly.”

Giải thích trong vấn nạn: “Các xuất ly kia dù lại đồng thời, v.v... Nghĩa là ba thứ dục, nhuế, hại dù đồng thời đoạn, nhưng y cứ ở phương tiện tu riêng ba thứ đối trị lập riêng.

Dưới đây, y cứ ba người tu riêng ba quán, lập ba xuất ly:

Tùy theo phiền não thêm riêng của ba người kia, mỗi người đều khởi một quán, hoặc từ, hoặc bi.

Chủ thể xuất lià dục, nhuế, hại, v.v... trên đây vì chỉ có một loại đối trị, nên xuất ly sau không có sai khác. Nghĩa là xuất ly của cõi Sắc thứ tư, dựa riêng không xứ, đều là một loại đối trị của quán không cõi Sắc.

Phần thứ năm, đối với thân bốn uẩn, tu riêng một loại đối trị của quán không vô lậu. Đối trị trước, sau khác nhau, không đồng với ba người trước, sự sai khác của xuất ly đồng thời, được chia ra nhiều. Cho nên nói rằng: “không có sai khác.”

“Thế nào là kiến mạnh mẽ nhạỵ bẻn, v.v...” trở xuống, là giải thích trong kinh có hai mươi tám câu:

Mười ba câu đầu, nói về đạo phương tiện lià dục, các câu sau trái với đây. Mười lăm câu dưới, là nói về đạo lià dục.

Ý kinh này chỉ bày rõ ràng, do gia hạnh trước, đạo lià dục sau, thân A-la-hán, nhiệm thọ không hiện hành, các “hoặc” không khởi. Như hoa sen hồng không dính nước. Cho nên khởi năm quán, gọi là thuận xuất ly.

Một câu đầu trong mười ba câu đầu, là nêu chung, người kia cho rằng, kiến mạnh mẽ nhạỵ bẻn.

Mười hai câu kế, giải thích riêng về quán kia.

Trong phần đầu cho rằng, do tác ý quán sát. Nghĩa là tác ý quán sát trong bảy tác ý, Hán dịch là tổng.

Về tác ý thắng sự. Nghĩa là giải thích đấng tùy niệm, dục.

Tác ý của công dụng mạnh mẽ, nhạỵ bẻn: Là giải thích kiến chấp mạnh mẽ nhạỵ bẻn. Thế nào là các dục trở xuống, là giải thích riêng trong mười hai câu: Tám câu đầu quán không dính mắc dục; bốn câu sau quán dục nhàm chán.”

Hỏi: “Vì sao văn chỉ nói tác ý quán sát, mà không nói tác ý rõ tướng?”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Nay, nói A-la-hán rất ráo lià dục ba cõi, vì thực hành năm thứ quán, nghĩa là lià nhiệm Vô Sắc, tác ý rất ráo gia hạnh. Đạo gia hạnh trước là tác ý quán sát.”

Y cứ trong đạo chánh đoạn của văn sau đây, giải thích về thiện thế của tâm kia. Thế nào là trụ tác ý của gia hạnh rất ráo?

Trong mười lăm câu sau, bốn thứ như tác ý thú nhậỵ, v.v... mỗi thứ đều trái với trước.

Tướng của văn rất dễ hiểu. Nghĩa là người trụ tác ý gia hạnh rất

ráo là lia tác ý gia hạnh rốt ráo nhiệm Vô Sắc. Bây giờ, chính thức dứt các “hoặc” sẽ được tâm rốt ráo mâu nhiệm đến với đạo, gọi là thiện thế, nghĩa là vì khéo tu tập tác ý khác, nghĩa là khéo tu tập các tác ý, quán sát v.v...”

Luận sư Cảnh lấy chung năm tác ý trước, gọi là “khác”. Đây là nói địa vị đoạn và địa vị của đạo phương tiện đoạn, nghĩa là tổng kết chỉ bày rõ về địa vị Vô gián đạo đoạn của tác ý rốt ráo gia hạnh và địa vị phương tiện đạo đoạn của tác ý, v.v... quán sát.

Giải thích: Tức giải thoát sự ràng buộc thô nặng. Thoát, tức cõi thoát tướng ràng buộc, đều là hiện hành, lia trói buộc, nghĩa là lia hạt giống của hai buộc ràng ở trước.

Từ các dục “duyên” đối tượng sinh các lậu, trừ tham dục nghĩa là như thứ lớp trước, giải thoát các triền, tùy miên, đối tượng duyên (sở duyên)

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Giải thoát triền gọi là siêu; giải thoát sở duyên (đối tượng duyên) gọi là xuất; giải thoát tùy miên, gọi là ly hệ (liả trói buộc).”

Nay, giải thích: “Ở kia, nghĩa là chỉ những việc hữu lậu, nghèo khổ, đốt cháy, bức não, v.v... đã nói ở trên.

Giải thoát siêu xuất, lia trói buộc. Nghĩa là như thứ lớp ở trước:

Giải thích các triền gọi là giải thoát Cởi bỏ tướng sở duyên, gọi là siêu xuất. Giải thoát tùy miên, gọi là lia trói buộc. Nghĩa là sắp được, chính được, tùy niệm các cảnh dục, v.v... Tức vị lai, hiện tại, quá khứ, Các cảnh giới dục như thứ lớp đó.

Thứ ba nhân, giải thích sáu cõi xuất ly, văn kinh có bốn:

1. Dẫn chứng kinh, giải thích.
2. Nói hành tướng đối trị riêng.
3. Giải thích vấn nạn trở ngại.
4. Giải thích năm, sáu cõi sai khác.

“Cho nên từ, v.v... đối với nhuế, hại, v.v..., chẳng phải chính thức đối trị. Nghĩa là chứng tỏ người mới tu hành, cũng còn khởi ngã mạn, nghi “hoặc” chưa dứt, vì muốn cho họ chế ngự phục, bỏ các tà chấp, nên kiến lập cõi này.

Trong hành tướng đối trị riêng có hai:

1. Y cứ ba loại để đối trị.
2. Y cứ sáu hành để trị riêng.

Vì quán sát rốt ráo lý chánh đạo, nên kiến lập thứ sáu: Nghĩa là chỉ có để nhân quả, thật chấp ngã không, gọi là chánh đạo lý. Vì quán

sát đạo lý chân chánh này, nên mạn, nghi bị tiêu diệt.

1/ Nhuế. 2/ Hại. 3/ Tật. 4/ Si, tham, nhuế. Bồ-tát địa nói: “Như thứ lớp dù là bốn thứ đối trị: Từ, bi, hỷ, xả. Nay nói hỷ trị không vui, tức là ganh tị. Xả trị tham, nhuế, không nói si, là vì cảnh yêu ghét chẳng phải bình đẳng, đều đối với trong đây mà khởi hành xả, chỉ nói đối trị hai cảnh giữa thuận với xả, lược qua không nói đến, thật ra thì cũng trừ si.

“Nếu là ngã mạn, đối với nhân giải thoát, v.v... Nghĩa là không chấp ngã mạn, lìa mạn, chấp ràng buộc, gọi là giải thoát. Trong thật đế, v.v... đã chứng tức là không nghi ngờ.

Giải thích vấn nạn gây trở ngại rằng các xuất ly này nhất định xuất ly tất cả nhuế, v.v... Nghĩa là có người vấn nạn rằng: “tu sáu từ, v.v... nhất định lìa sáu thứ đối tượng trị (sở trị) như nhuế, v.v... Vì sao ở trước nói: “Cho nên từ, v.v... không phải chánh đối trị với nhuế, hại, v.v...?”

Nay, giải thích các xuất ly này, tu tập địa vị viên mãn, nhất định sẽ xuất ly tất cả nhuế, v.v... Vì lúc tiền phương tiện, không khéo tu, nên lỗi lầm của nhuế, v.v... chấp nhận có thể hiện hành. Do đó lời nói ở trước không phải chính thức đối trị.

Thuộc về bốn thứ Thiện trụ ban đầu. Luận sư Cảnh giải thích: “Theo sắp xếp trong đây, môn quán bất tịnh ở trước, từ bi vượt hơn sắc tướng là thiện trụ. Nghĩa là từ tịnh trụ sở y (đối tượng nương tựa) nói là thiện trụ, thuần túy vì nói đủ bốn vô lượng.”

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Hai thứ từ, bi dựa chung tu thiện, gọi là thiện trụ, dựa riêng vô lượng, tu, gọi là Phạm Trụ.

Phần thứ tư giải thích lìa các lỗi lầm, gọi là trong xuất ly y, có ba:

1. Nêu xuất ly y có bốn thứ.
2. Tùy giải thích riêng về sở do của hành tướng.
3. Kết bốn thứ, bốn thời gian được, mất.

Văn thứ hai có hai:

- a. Nêu nhân bốn người, có kiến lập riêng bốn thứ.
- b. Giải thích rộng về hành tướng. Nhân nịnh hót người kia giả dối nói pháp, là dựa vào phisố để lấy lý thú, v.v... Nghĩa là có người nịnh hót giả dối. Chấp cho thầy mình là hơn. Xem tướng, oai nghi, rồi cho là nương tựa học.

Nay, bảo cho họ biết dựa vào pháp, không dựa vào nhân. Chủ yếu là phải biện luận với họ, phải phân biệt, quyết trạch (quyết định lựa chọn), tự mình mới chứng biết, chứ chẳng phải tiếp cận với người mà chứng biết ngay được. Tức ở trong đây, lại có sự khác nhau, nghĩa là lại

giải thích, sự nương tựa ở trước:

Đức Phật thuận theo thế tục, có hai thứ ngôn từ: 1/ Người. 2/ pháp. Nay, khiến cho dựa vào pháp, không dựa vào người. Không thể nghe Phật, theo lời nói của người, tức là cũng dựa vào người. Đức Phật thuận theo lời của thế tục, không nên cố chấp.

“Pháp lại có hai thứ v.v...” trở xuống, là giải thích về y thứ hai. Nhân thuận với thế gian, nói qua văn tự để giảng rộng về nghĩa lý, không nên chỉ nghe nói thuận với văn tự đời, liền cho là rất ráo, nên bảo cho nghĩa y. kinh do Phật nói hoặc có khi liễu nghĩa, là giải thích nương tựa thứ ba. Dù bảo y nghĩa, nhưng không được cho kiến thức của mình là vượt hơn, cho nên y kinh liễu nghĩa. (Liễu nghĩa có bốn lớp tướng, như chỗ khác đã nói)

Đức Thế tôn đôi khi giảng nói dựa vào lý thú, v.v... là giải thích về nương tựa thứ tư:

Người, trời do nói thức niết-bàn, nhân nói trí. Trong kinh liễu nghĩa, vì người mới tu, mà nói thức; vì người tu lâu, nói trí. Có người nghe nói mới tu, bèn chấp là cùng tốt.

Nay, vì ngăn ngừa những hạng người này, nên nói y trí, chấp là rất ráo.

Trong kết thứ ba, đại khái dựa vào bốn thời gian, vì mất, không mất, nên đồng. Nghĩa là lúc được pháp, dựa vào pháp trí sinh, không dựa vào người.

Lúc gìn giữ, nghĩa có thể do văn gìn giữ, nghĩa chẳng phải Văn nghĩa trì Đà-la-ni.

Lúc quán sát nghĩa, dựa vào liễu nghĩa, chứ chẳng phải bất liễu nghĩa, vì nghi trí sinh.

Lúc pháp tùy hành. Pháp nghĩa là diệt đế. Tùy pháp nghĩa là đạo đế.

Lúc tu đạo xuất ly, dựa vào trí, chẳng phải thức. Bốn y trên đây, từ sơ hành đến hậu hành, từ tu tập thô đến tu tập tế, rất ráo hoàn thành viên mãn, theo thứ lớp như thế. Lại nữa đã nói an lập, phải biết ngay đồng với đây.

Năm môn của bài tụng trước nói: “Nêu chung với an lập sự sai khác của tướng tác ý, gồm thấu các nghĩa tạp nhập sau cùng của tông yếu các kinh.

Đã giải thích nêu chung an lập.

Từ đây trở xuống, là đoạn thứ ba, văn kết hợp giải thích tác ý và hai môn tướng.

Đối tượng duyên (sở duyên) trong đây tức là tướng, văn chia làm ba:

1. Nêu khởi.
2. Giải thích riêng lẻ.
3. Nói chung.

“Tác ý sai khác” trở xuống: là giải thích riêng, trước giải thích tác ý. Sau giải thích đối tượng duyên (sở duyên).

Trong phần đầu có ba:

- a. Nêu, ra bảy tác ý, tên của bốn mươi tác ý.
- b. Giải thích riêng hành tướng của bốn mươi tác ý.
- c. Do bảy tác ý và bốn mươi tác ý thu nhiếp nhau.

Thể của tác ý, tức số lượng biến hành. Lúc tu định tuệ, vì dụng của tác ý tăng, nên luận Đối Pháp nói: “tác ý tăng trưởng lợi ích. Nghĩa là vì khéo thuận với xa-ma-tha, tỳ-bát-xá-na, nhưng nói bảy tác ý, chỉ y cứ ở địa định, tán, mà phần nhiều vì dựa vào địa vị kia để tu, nên nói về địa đẳng dẫn.

Về tướng của tác ý, như dưới đây:

Quyển bốn mươi ba nói có ba lần “lại nữa”, giải thích rộng tướng tác ý và bốn đối trị gồm nhau. Quyển thứ chín Đối-Pháp cũng thế.

Quyển hai mươi tám, 29 nói bảy tác ý và bốn tác ý, ba thứ Du-già v.v... gồm nhau; đều nói rộng như các quyển kia.

Nay, nói lược về bảy môn:

1. Môn ba tuệ. Luận sư Cảnh giải thích: “Tướng hiểu rõ chung ở cả ba tuệ; sáu tướng sau chỉ cho tu tuệ”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Một tướng liễu chung cho cả văn tuệ, tu tuệ. Sáu tướng còn lại chỉ có tu; hoặc bảy đều tu tuệ.

2. Duyên danh nghĩa. Tướng liễu “duyên” chung danh nghĩa, sáu tướng còn lại chỉ “duyên” với nghĩa.

3. Lậu, vô lậu. Quyển 80 nói: “đều chung cả hữu lậu.”

4. Môn ba học. Quả rất ráo gia hạnh của tướng liễu, tác ý chung cả ba học. Năm tướng còn lại là hữu học, kể cả “câu phi” không chung quả Vô học, trong gồm nhau như dưới:

5. Môn bốn đạo. Pháp Sư Khuy Cơ giải thích rằng: “Tướng liễu, thắng giải, quán sát, tác ý, chung cho cả hai đạo phước thiện, và thắng tấn. Tác ý viễn ly, chỉ có đạo Vô gián, gồm sáu tác ý lạc, chung cả bốn đạo. Tác ý gia hạnh rất ráo, chung cho cả đạo Vô gián, Thắng tấn.

Tác ý thứ bảy chỉ có đạo giải thoát. Đây là dựa vào Nhị thừa tu

tập bốn đạo. Phẩm sau tất cả gia hành Vô gián v.v... đều là đạo thắng tấn của phẩm trước Bồ-tát thì không như vậy, sát-na, sát-na chấp nhận đủ bốn. Về nghĩa y cứ nên biết.

Nay, dựa vào lia tướng liễu của các địa, vì thắng giải nên thông suốt qua đạo thắng tấn dẫn sinh Vô gián.

Tác ý quán sát cũng có cả gia hạnh. Vô gián của phẩm sau là thắng tấn của phẩm trước, nên nói “thứ sáu cũng chung cả thắng tấn,

Dựa chung chín địa và nghĩa thật tác ý của bảy môn như thế.

Quyển sáu mươi hai nói: “Tướng liễu, thắng giải, đạo gia hạnh gồm thâm viễn ly và tác ý rốt ráo gia hạnh thuộc đạo Vô gián, gồm thâm tác ý lạc. Bốn thứ đạo gồm thâm tác ý quán sát thuộc về đạo thắng tấn. Các tác ý này dựa vào sơ lia dục nhiễm, là riêng lia nhiễm của địa trên.

Đạo gia hành nói: “Dựa vào sự chấp nhận tham dự đạo thắng tấn, không nói Vô gián của phẩm sau là vì đạo thắng tấn trước.

Tác ý rốt ráo gia hành chỉ có Vô gián. Tác ý quán sát dựa vào Đạo tiến tu của phẩm đoạn giữa, nói là chỉ đạo thắng tấn, không nói về sau là Đạo gia hạnh, cũng không trái nhau.

Tác ý thứ bảy là đạo Giải thoát, y theo nghĩa rất dễ hiểu, nên luận không nói.

6. Do ba sư du-già thuộc nhau.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “1/ Nghiệp tập ban đầu có hai thứ:

a. Về nghiệp tập ban đầu của tác ý, an trụ một duyên, siêng năng tu tác ý. Cho đến chưa được tác ý đã tu, chưa thể xúc chứng một tánh cảnh của tâm.

b. Tịnh phiền não nghiệp tập ban đầu. Nghĩa là đã chứng đắc tác ý đã tu, đối với các dục phiền não, thanh tịnh tâm mình, siêng năng tu tập tác ý rõ tướng.

2. Sư đã tu hành Du-già. Nghĩa là khéo tu tập năm tác ý giữa.

3. Sư độ tác ý du-già. Nghĩa là trụ tác ý thứ bảy, vượt qua phương tiện gia hạnh, vì đã tu quả trụ tu, y theo ba sư Du-già này.

Quyển hai mươi tám lại nói: “Thuận giải thoát phần được gọi là nghiệp tập ban đầu. Thuận quyết trạch phần, gọi là hạnh đã tập. Sau hiện quán đế, gọi là độ tác ý, tức chứng tỏ tướng liễu ở thuận giải thoát; năm tác ý kế, ở thuận quyết trạch. Tác ý thứ bảy ở sau hiện quán đế.

- Nếu nói như thế tức là với ba thứ như hữu học v.v... trong bốn mươi tác ý sẽ trái với văn nói gồm thâm nhau: Bảy thứ tác ý đều có cả hữu học. Tác ý ban đầu và thứ bảy cũng có cả Vô học. Do đó, nên biết

rằng, ba sư du-già đã dựa riêng vào địa vị, phối hợp với bảy tác ý, khác với nghĩa gồm thâu nhau. Hai môn tự riêng, chẳng phải lấy ba sư du-già với bảy tác ý gồm thâu nhau, tức là chứng tỏ ba địa vị của bảy tác ý cũng thế, không thể này sinh phân biệt phóng túng ở đây. Nhưng ba sư du-già phối hợp chung bảy tác ý trong hai mươi tám tác ý, không dựa vào ba địa vị phối hợp với bảy tác ý. Như ở phi học; phi vô học đủ bảy tác ý. Ở đạo tư lương của địa vị Hữu học có đủ bảy tác ý, trước kia dựa vào đạo thế gian vì tinh tấn lìa nhiễm. Cũng có đạo tư lương không tu bảy tác ý, không tu định, trong đạo Gia hạnh mới có bảy tác ý, tiến đến xa lìa chín phẩm nhiễm của cõi Dục. Sau khi được hiện quán, cũng khỏi bảy tác ý, vì tiến tới lìa nhiễm của địa trên.

7. Môn bảy duyên giả, thật. Ba thứ tướng liễu, thắng giải của rốt ráo của gia hạnh, đều “duyên” chung giả, thật.

Dưới đây là nói ba thứ này gồm thâu chung tác ý thắng giải và tác ý chân thật. Tác ý quán sát chỉ bao gồm tác ý thắng giải, tức chỉ “duyên” giả. Ba tác ý còn lại, hoàn toàn “duyên” thật, vì đạo Vô gián chỉ “duyên” như.

Đây là y cứ ở môn trước, môn khác tùy thích hợp, sẽ phân biệt như dưới đây:

Bốn mươi tác ý là mười một loại.

1/ Hai giáo nghĩa đầu. 2/ Bốn niệm trụ. 3/ Hai giả, thật. 4/ Ba loại phàn, thánh. 5/ Dứt ba loại ban đầu, giữa, sau 6/ Bốn loại sở duyên (đối tượng duyên). 7/ Sáu loại tu chứng lìa nhiễm. 8/ Bốn đạo. 9/ Bốn địa vị tu. 10 / Bốn loại tuệ, định lìa chướng mà được tự tại. 11/ Bốn loại nhân quả của ba thừa đã có tác ý. Bốn loại ban đầu là một nhân chung; bảy loại sau chỉ là một nhân riêng ở Hữu học, Vô học.

Căn cứ giải thích riêng trong bốn mươi tác ý, “duyên” pháp, nghĩa là văn tuệ “duyên” nghĩa. Tư, tu đều dựa vào nhiều sự vượt hơn, chứ chẳng phải cảnh chỉ có thế. Vì văn v.v... “duyên” nghĩa, tu cũng “duyên” giáo.

Tác ý thắng giải. Đối-Pháp quyển mười một chép: “Hoàn toàn xuất thế gian và tác ý đã được từ đây về sau, tức bản trí và hậu trí. Trong đây đã nói: “Lấy tự tướng, cộng tướng (đã nói trong đây) để tư duy các pháp, tức là trí hậu đắc “duyên” lý chân như là trí căn bản.

Tác ý hữu học có hai:

1. Tự tánh: Tánh là vô lậu.

2. Ở nối tiếp nhau: căn cứ vào thân để phân biệt. Ở trong thân học, tất cả tác ý thiện, hoặc lậu, vô lậu, đều gọi là tác ý học.

Tác ý v.v... biến tri v.v... Luận sư Cảnh nói: “Hoặc có gia hạnh hậu

đắc, ngoài tâm “duyên” như, gọi là là (biết khắp), vì không chứng chính đáng, nên không thể dứt “hoặc”

Tác ý chánh đoạn đều tác động hai việc. Nghĩa là biết khắp chân như, lại hay dứt “hoặc”.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Tác ý biến tri xa đạo gia hạnh; Tác ý chánh đoạn, gần đạo gia hạnh và đạo Vô gián tác ý đã đoạn, nghĩa là hai đạo khác.

Tác ý có phân biệt, không có phân biệt ảnh tượng: Nghĩa là cảnh của thể phân biệt, tức tâm, tầm, sở của ba cõi, do phân biệt gồm thân pháp của ba cõi. Tướng trong năm pháp, gọi là phân biệt của phân biệt. Thể của cảnh của hai tác ý này là một. Vì quán, chỉ riêng, nên chia làm hai thứ.

Luận Đối Pháp quyển 11 nói: “Có phân biệt sở duyên (đối tượng duyên) của cảnh tượng. Nghĩa là cảnh “sở duyên” của định, tuệ của tác ý chân thật. Đối tượng duyên đó, dựa vào tác ý chỉ, quán hữu lậu, gọi là có phân biệt ảnh tượng, vì thể là phân biệt luống đối. Chỉ quán vô lậu, gọi là vô phân biệt ảnh tượng, vì thể chẳng phải luống đối.

Trong đây, dựa vào cảnh “sở duyên”, gọi là thể phân biệt, chủ thể duyên (năng duyên) chỉ, quán được chia thành hai thứ, cho nên không trái nhau.

Công việc làm về biên tế của sự, đã hoàn thành.

Luận sư Cảnh nói: “Dựa vào văn dưới đây để phán quyết hai địa vị trước kia ở trước địa; hai địa vị sau ở vô học kiến, tu. Trí Vô phân biệt “duyên” chân như kia, tức là thể chung của thân, thọ, tâm, pháp đầy khắp tất cả, gọi là việc làm của việc bờ mé đã thành xong. Trong tác ý “sở duyên”, trước là y cứ vào nhân để phân biệt, vì trong nhân cũng có đạo lý tùy theo phân biệt công việc làm đã thành xong, Rằng ta tư duy như thế, như thế nghĩa là tự dứt khổ, tập trong nhân duyên, chẳng phải một lời nói lặp lại “như thế”.

Nếu ta tư duy như thế, như thế. Nghĩa là trái với tu chứng diệt, đạo trong nhân duyên. Diệt, đạo chẳng phải một lời nói lặp lại “như thế”.

Sẽ có như thế, như thế. Nghĩa là lại muốn cho chúng sinh sẽ có đoạn trừ khổ, tập như thế. Khổ tập chẳng phải một lời nói lặp lại “như thế”

Tu chứng diệt, đạo như thế. Diệt đạo chẳng phải một lời nói lặp lại “như thế”

Kế là vì duyên theo quả, nên nói là “duyên” tác ý sở duyên thanh tịnh.

Trong gồm thân nhau dưới đây, chỉ “duyên” trong nhân kia, sự đã làm trước kia chung cho bảy tác ý, dùng làm môn đầu, chỉ “duyên” quả Phật lấy làm môn sau, chỉ gồm thân tác ý của quả rốt ráo gia hạnh. Đối với địa vị tu kia, lại không có cảnh riêng. “Duyên” xa, hướng về cảnh giới của ba thứ trước.

Tác ý về việc làm đã thành tựu rằng: “Ta tư duy như thế v.v... Nghĩa là dựa vào văn dưới để phán quyết, chỉ ở quả Phật vô học.

Nay, trong văn này, trước phân biệt tác ý lợi mình, lợi người trong nhân; sau, y cứ ở quả để phân tích.

Nói rằng ta tư duy như thế, như thế. Nghĩa là vì lý nhân duyên chỉ, quán của vô tướng kiến đạo, nên gọi là chung là cảnh của nêu bờ mé. Trong địa vị tu đạo, lại không có cảnh riêng, duyên xa ba cảnh trước. Lại, ba cảnh trước nếu ở Phật địa thì gọi là chung là tác ý sở duyên của công việc đã hoàn thành.”

Cơ Pháp sư giải thích: “công việc đã hoàn thành của việc bờ mé với luận Đối pháp và quyển hai sáu dưới đây trái nhau.” Sẽ giải thích về vấn đề đó:

- Nói tác ý sở duyên của việc làm đã hoàn thành của việc bờ mé: Vấn đề này có hai giải thích:

1. Giải thích đồng với Đối Pháp, nghĩa là đầu tiên là cùng tận cái có. Tánh như tánh sở hữu. Tánh cùng tận sở hữu, nghĩa là thể của các pháp uẩn, giới, xứ, vì sự chỉ có ngần ấy.

2. Như tánh sở hữu nghĩa là bốn thánh đế; Mười sáu hạnh chân như; tất cả hành vô thường; tất cả hành khổ; tất cả pháp vô ngã, niết-bàn vắng lặng; không; vô nguyện; vô tướng. Các pháp này chỉ có để lý. Hoặc lấy môn đế; hoặc dùng hạnh môn; hoặc lấy môn các pháp ốt-đà-nam; hoặc dùng môn giải thoát. Đối với uẩn, xứ, giới trước kia, do nghĩa sai khác mà biết rõ đạo lý, gọi là “như tánh sở hữu”

Thể của việc làm đã thành tựu, tức chuyển y, tức làm sáng tỏ thể ban đầu.

Cùng tận tất cả tánh, chỉ có trí hậu đắc. Như tánh sở hữu, chung cho trí căn bản, hậu trí.

Việc làm đã thành tựu, tức hai thứ chuyển y, Bồ-đề, Niết-bàn.

Thân, thọ, tâm, pháp, đối tượng duyên (sở duyên) của việc bờ mé trong đây, tức tận cùng sở hữu và như sở hữu.

Việc đã làm được thành tựu, tức hai chuyển y. Nghĩa là ta tư duy như thế, như thế, là trí hậu đắc “duyên” tự tánh của pháp. Nếu ta tư duy như thế, như thế, thì đó là trí hậu đắc “duyên” sai khác của pháp. Sẽ

có như thế, như thế, là trí căn bản chứng tự tánh. Sẽ phân biệt như thế, như thế, là trí vô phân biệt chứng sai khác, chánh trí theo đó ấn chứng. Cũng nói là hai: Hoặc ta tư duy như thế, như thế, nghĩa là nhân của trí hậu đắc. Nếu ta tư duy như thế, như thế là nhân của bản trí. Sẽ có như thế, như thế là quả của hậu trí. Sẽ phân biệt như thế, như thế là quả của bản trí.

Trên đây là nói chung chuyển y của Bồ-đề, đối tượng duyên thanh tịnh là chuyển y niết-bàn, cách giải thích này dù thuận với Đối Pháp, nhưng không thuận với bảy thứ gồm nhau dưới đây.

Giải thích thứ hai: “Cách giải này so với Đối Pháp không đồng.”

Việc bờ mé Là “duyên”việc bờ mé lý của thân, thọ, tâm, pháp hiện tại.

Việc làm đã thành tựu. Nghĩa là sẽ phân biệt về sự lý của việc đã làm trong hiện tại. Vấn đề này có ba giải thích:

1/ “Ta tư duy như thế, như thế là đối tượng duyên của tâm tán. Nếu ta tư duy như thế, như thế là đối tượng duyên (sở duyên) của tâm định, vì sự tư duy của tâm tán này, nên rất ráo sẽ có ngay quả quyết định như thế, như thế. Vì tư duy, tác động tâm định này, nên rất ráo sẽ phân tích, quyết đoán quả ngay.”

2/ “Tư duy như thế, như thế là “duyên”tướng bản chất. Do tư duy này, nên sẽ có ngay quả quyết đoán như thế, như thế. Nếu ta tư duy như thế, như thế, là “duyên”tướng của ảnh tượng. Vì tư này, nên sẽ có ngay quả quyết đoán như thế, như thế.

3, Rằng: “Ta tư duy như thế, như thế là “duyên”tự tánh của pháp. Vì tư duy này, nên sẽ có ngay quả quyết đoán như thế, như thế. Nếu ta tư duy như thế, như thế là “duyên”nghĩa sai khác của pháp. Do tư duy này, nên sẽ có ngay quả quyết định như thế, như thế.

Trên đây là nói chung thành tựu của hữu vi, dù trái với đối pháp, nhưng về văn gồm nhau của bảy tác ý ở dưới vẫn thuận nhau.

Và “duyên”tác ý sở duyên thanh tịnh, ở đây có hai cách giải thích:

1/ “Duyên”tác ý chân như.

2/ “Duyên”tác ý vô lậu này. Vì làm sở duyên nên nói rằng: “duyên tác ý sở duyên thanh tịnh.

Tác ý thắng giải tư trạch. Nghĩa là trước, tư duy lựa chọn các pháp, đây là tư tuệ mà xa-ma-tha đứng đầu. Nghĩa là dựa vào vị Đẳng dẫn, thắng giải, tư duy, lựa chọn.

Tác ý vắng lặng là trước hết, đặt tâm ở trong: Đây là đẳng trì an

tâm của vị tư tuệ, mà Tỳ bát-xa-na là đứng đầu, nghĩa là Đẳng-dẫn mà địa vị tu tuệ đã tu. Do vì tác ý thắng giải tư duy lựa chọn, nên tịnh tu tri kiến. Nghĩa là tuệ là phương tiện vì viên mãn thành tuệ. Vì do tác ý vắng lặng sinh trưởng khinh an, nên định là phương tiện, vì định hoàn thành viên mãn.

Vì tác ý tu một phần đủ phần, nên trong các uẩn, tâm được giải thoát, do vì tác ý Vô gián ân cần trân trọng, nên được giải thoát đối với các kiết.

Năm cái, chín kiết thật sự chung cả hiện, chủng. Hiện hành thêm nhau, nay nói riêng là cái. Hạt giống khó dứt vì trầm tế nhau. Nay, nói riêng là kiết. Cho nên nói là đoạn riêng.

Tác ý đối trị. Nghĩa là vì do đây, nên chính thức bỏ các hoặc, gìn giữ đoạn, chứ chẳng phải cho rằng đạo giải thoát khỏi, gọi là gìn giữ.”

Cơ Pháp sư giải thích: “Tác ý đối trị, gồm thâm đạo Vô gián, giải thoát. Thuận với thanh tịnh và hai đạo thắng tấn, quán sát gần, xa. Hoặc trí thanh tịnh chẳng thuộc bốn đạo.

Sáu tùy niệm. Nghĩa là niệm Phật, pháp v.v... như Bồ-tát Địa nói.

Vận chuyển tác ý tự nhiên. Nghĩa là đối với bốn thời gian:

1. Lúc được tác ý. Trong gồm thâm nhau ở dưới, khi được tác ý thứ sáu, bảy Đạo vô-gián, giải thoát lia nhiệm phẩm thứ chín.

2. Lúc chính thức nhập xong, nhập định căn bản. Do được hai tác ý này, nên có thể chính thức nhập tĩnh lực căn bản.

Hai thời gian trước này là phương tiện trước của kiến đạo.

3. Thời gian tu hiện quán: Do phương tiện trước, được nhập kiến đạo, Và tu đạo, tu hiện quán.

4. Thời, nghĩa là thời gian mà địa vị A-la-hán chính thức được, nghĩa là đạo Vô gián.

Đã được nghĩa là được đạo giải thoát.

Thứ ba, bảy tác ý với bốn mươi trong gồm thâm nhau, trước là nói tướng của bảy tác ý. Sau tùy theo văn, nói về sự gồm thâm nhau:

Tác ý của tướng liễu, có khả năng hiểu rõ tướng thô của địa dưới; tướng vắng lặng của địa trên. Tác ý đầu tiên này, văn và tư còn xen lẫn.

Từ đây về sau, hoàn toàn tu chứng. Thường thường tư duy tướng thô, vắng lặng này, thường khởi thắng giải, gọi là tác ý thắng giải.

Do tập thắng giải này, nên mỗi đoạn đạo sinh đều có tác ý kia, gọi là tác ý viễn ly.

Các phiền não trên và thô năng, đều đã dứt trừ.

Lại nữa, ưa thích đoạn của địa trên. Thấy công đức đoạn của địa trên xong, một ít phần xúc, xa lìa hỷ, lạc. Vì bỏ đi hôn trầm, thù miên, lại thường tu tập tác ý mâu nhiệm vắng lặng, để làm vui lòng mình, gọi là gồm thâm tác ý lạc.

Hành giả như thế, vì được giúp đỡ giữ gìn của phẩm phương tiện thiện, nên khiến cho phiền não, triền như thuộc phẩm giữa trói buộc cõi Dục, không còn hiện hành nữa. Do đó vì muốn xem xét phiền não dứt và chưa dứt, lại còn tác ý quán sát, tức là sinh thuận theo tướng yên tĩnh, gọi là tác ý quán sát.

Như thế hành giả thường thường quán sát tiến tu đối trị, vì muốn cho tất cả phiền não cõi Dục trong tạm thời được lìa trói buộc.

Đạo đối trị này tương ứng với tác ý, là gia hạnh sau cùng của sơ tĩnh lự.

Gọi là tác ý rất ráo gia hạnh, do tất cả phiền não phẩm dưới của cõi Dục không hiện hành. Từ vô-gián này, chứng được tác ý đều cùng hành của tĩnh lự căn bản trước hết, gọi là tác ý của quả rất ráo gia hạnh.

Trong đây, dứt “hoặc” phẩm thượng, mới khởi sự khó khăn, nên hai tác ý làm gia hạnh. Dứt phẩm hạ sau địa mãn, cũng khó khăn chẳng phải mới tu. Cho nên một tác ý làm gia hạnh.

Vô-gián của phẩm trước có thể có nghĩa gia hạnh của phẩm sau. Vì thế ba phẩm trong đoạn, không nói gia hạnh. Vô-gián của phẩm sau có thể có nghĩa đạo giải thoát của phẩm trước. Không nói dứt sáu phẩm trước cũng có đạo giải thoát. Dứt ba phẩm sau, Địa mãn nhập Căn bản địa, nên nói tác ý thứ bảy là đạo Giải thoát.

Đã nói về tướng của bảy tác ý xong, sẽ tùy theo văn, phân biệt về tướng liễu, gồm thâm “duyên” pháp, “duyên” nghĩa:

Pháp Sư Khuy Cơ nói: Ở đây có hai giải thích:

1/ “Vì tướng liễu có cả văn tuệ, tu tuệ nên gồm có hai thứ:

2/ Tướng liễu chỉ có tu tuệ.”

Thuyết này nói, lúc mới bắt đầu tu, vì cũng “duyên” nơi pháp, nên nói gồm thâm hai. Thuyết trước nói “duyên” pháp là văn tuệ; thuyết này nói chung cho tu tuệ, thuyết trước hẹp, thuyết sau rộng, nên không trái nhau.

Nay, nhân văn này, phân biệt về ba tuệ thiếu, đủ trong cõi Sắc:

Có nghĩa: “cõi Sắc cũng có tư tuệ, đồng với thuyết của Thành Thật, thuyết ấy nói: “Ba tuệ cõi Dục, Sắc, tất cả như cánh tay, cứ sĩ sinh lên cõi trời Vô-Nhiệt, nói pháp trong cõi đó.” Nếu người nói pháp, tất

nhiên tư duy nghĩa đó. Cho nên, biết cõi Sắc cũng có tư tuệ; trong cõi vô-sắc, chỉ có tu tuệ. Vì thế, văn này nói: “Tác ý của tướng liễu gồm thâm, nghĩa “duyên”. Thuyết trước nói: “Tác ý “duyên” nghĩa, nghĩa là do tư, tu mà thành tuệ, tương ứng với tác ý. Đã không nói gồm thâm duyên một phần nghĩa, chỉ nói gồm thâm “duyên” nghĩa, cho nên, biết tướng liễu có cả tư tuệ.”

Lại, luận đã nói: “Tướng liễu cũng là đối tượng xen lẫn của văn, tư, mà nói tác ý của địa định. Cho nên, biết cõi Sắc cũng có tư tuệ.”

Luận sư Cảnh nói: “Tướng liễu có cả ba tuệ, vì hòa hợp với đây rồi” Lại, Đối pháp quyển chín nói: “do tác ý thắng giải. Vì nghĩa sở cầu, phát khởi chánh phương tiện.”

Phạm sư giải thích: “Đây là giải thích lại tác ý thắng giải, là nghĩa sở cầu; là sở cầu ở dưới, nên đoạn nghĩa nên được ở trên, nói phát chánh phương tiện. Nghĩa là phát khởi phương tiện tu tuệ, dứt “hoặc” có văn tuệ tương ứng với tác ý, khác với thuyết trước. Thuyết trước không có văn, tư xen lẫn, thuyết này chỉ lấy văn tương ứng với tư. Ý số này nói: “Cõi Sắc cũng có tư tuệ.”

Có nghĩa: “Cõi Sắc chỉ có văn, tư, không có tư tuệ, đồng với Tát-bà-đa, nhưng văn này nói rằng “Tướng liễu gồm thâm nghĩa “duyên”, thể của “duyên” nghĩa rộng. Nếu nghĩa “duyên” ở cõi Dục, thì tác ý và tư tuệ đều có; ở cõi trên, với tu tuệ đều có. Cho nên tác ý của tướng liễu đều gồm thâm địa định. “duyên” pháp, “duyên” nghĩa, không gồm thâm cõi Dục “duyên” pháp, “duyên” nghĩa. Trong văn đã y cứ định địa nói về bảy tác ý, nghĩa là từ Sơ tính lực cho đến Phi tướng, đâu cần phân biệt duyên pháp, duyên nghĩa cõi Dục, cho nên, không nói gồm thâm một phần v.v... mà nói tướng liễu là văn xen lẫn với tư. Đây là vì văn tư cõi Dục bị gián cách. Vì do vị trí định gần gũi cõi Dục, nên hoặc xuất, hoặc nhập, xen lẫn với văn.

Từ đây trở lên siêu việt văn, tư, một bề tu tướng. Pháp sư Khuy Cơ, v.v... giải thích ba tuệ môn rằng: rõ tướng, sáu thứ còn lại chỉ có tu. Hoặc bảy tác ý đều tu, nghĩa ấy rất dễ hiểu. Ba thứ tướng liễu, thắng giải, quả rất ráo, gồm thâm chung tác ý v.v... thắng giải chân thật, v.v...

Luận sư Cảnh nói: “Do văn này mà biết được tác ý thắng giải có cả quán giả, thật. Tác ý quán sát chỉ gồm thâm thắng giải trong bốn mươi. Ba tác ý còn lại trong bảy chỉ gồm thâm chân thật trong bốn mươi. Đây là y cứ vào môn trước. Y cứ ở môn khác, phải biết tùy thích ứng. Thứ bảy trong bốn mươi tác ý, nói về tác ý thắng giải, nghĩa là người tu tính lực tùy thuộc vào điều mà họ muốn, về các sự tướng, tác ý tăng ích

để làm môn trước.

Kế là quyển thứ mười chín nói: “Tác ý thắng giải tư duy, lựa chọn, nghĩa là do tác ý này, nên hoặc có tư duy lựa chọn các pháp đầu tiên. Đây là tư tuệ của cõi Dục, hoặc xa-ma-tha là đứng đầu, đây là môn sau. Nếu dựa vào môn trước, thì tác ý thắng giải chỉ quán giả tướng. Cho nên, chỉ thuộc về tác ý quán sát trong bảy này. Nếu dựa vào môn sau, thì tác ý thắng giải có khi chẳng phải thuộc về bảy tác ý. Nghĩa là hoặc có tư duy, lựa chọn các pháp trước hết; hoặc xa-ma-tha mà đứng đầu, đều là bảy tác ý kia, cho nên nói rằng: Y cứ ở môn sau, phải biết là tùy theo thích ứng.”

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Ba thứ tướng liễu, thắng giải, quả rốt ráo, gồm thâu chung tác ý chân thật, thắng giải, nghĩa là tướng liễu chung cho ở người mới tu và Vô học. Tất cả người mới tu phần nhiều chỉ thắng giải. Vô học v.v... phần nhiều là tu chân thật. Thắng giải đã gần với đạo lý gia hạnh, chung cho giả thật. Tác ý của quả rốt ráo chung cho lý giả, thật của tất cả thời gian, phần vị trong địa căn bản.

Tác ý quán sát chỉ gồm thâu thắng giải. Nghĩa là đạo thắng tấn của ba phẩm trong đây. Giả đầu tiên, tu thắng giải không nói là có cả thật, vì lý gia hạnh sau, cũng có chân. Ba tác ý còn lại, chỉ gồm thâu chân thật, là vì đạo vô-gián phần nhiều quán chân.

“Đây là y cứ môn trước. Y cứ môn khác, phải biết là tùy theo sự thích ứng: Đây là y cứ bảy tác ý của thuyết trước với hai gồm thâu nhau. Y cứ ở tướng của nghĩa riêng, phần nhiều chỉ có thắng giải, vì mới khởi sự tu, vì quả rốt ráo chỉ đạo giải thoát chân thật.

Tác ý quán sát có cả thắng giải chân thật, vì có thể là đạo thắng tấn, gia hạnh, bốn tác ý còn lại như trước. Cho nên nói: “Y cứ môn khác, phải biết tùy thích hợp. Không nói bảy thứ đều khác với trước.”

Có giải thích rằng: “Văn trước giải thích về tướng tác ý chân thật. Nghĩa là lấy tác ý tự tướng (cụ thể); cộng tướng (khái niệm) và tướng chân như, như lý tư duy các pháp. Nay, văn này lấy “duyên” tự, cộng tướng làm môn trước, vì nói chung theo ba thừa, nên lấy “duyên” chân như làm môn khác, vì chỉ Bồ-tát. Nếu y cứ môn khác, thì chẳng phải tướng liễu đều là chung cho chân thật. Cho nên nói rằng: Tùy theo sự thích ứng.

Hai thứ tác ý cũng gồm thâu tác ý Vô học: Đây là dựa vào đắc quả xong, vì thường sinh nhàm, lìa, nên có tướng liễu. Dựa vào đạo dứt phiền não, nói năm tác ý giữa. Vì Vô học đã không có tác ý, cho nên không nói có.

Quán sát gồm thâm biến tri. Nghĩa là quán sát cũng có cả đạo Gia Hạnh. Quán sát chỉ thuộc có phân biệt. Nghĩa là phần nhiều khởi Tuệ trong đạo Thắng tấn. Do đây nói riêng, chẳng phải không có vô phân biệt.

Tác ý sở duyên của việc bờ mé gồm thâm khắp tất cả. Luận sư Cảnh giải thích: “Xa lia trong bảy tác ý gồm thâm ưa quả rất ráo gia hạnh của gia hạnh rất ráo.

Ba tác ý trước trong bốn tác ý này là đạo Vô-gián, nhất định “duyên”chân như. Quả rất ráo gia hạnh là đạo giải thoát cũng “duyên”chân như, đều gồm thâm tác ý sở duyên của việc bờ mé. Tác ý khác có tướng liễu là tác ý quán sát thắng giải. Hoặc là đạo phương tiện tương ứng với trí gia hạnh, cầu chứng chân như. Hoặc ở đạo Thắng tấn tương ứng với hậu trí, lại “duyên”chân như đã chứng trong quán sát. Dù ngoài tâm thấy như, cũng được gọi là “duyên”cảnh của việc bờ mé, nên bảy tác ý đều gồm thâm tác ý của sở duyên việc bờ mé, việc làm đã thành tựu. Nếu y cứ môn đầu gồm thâm khắp tất cả. Y cứ môn thứ hai chỉ thuộc về tác ý của quả rất ráo gia hạnh.

Ở trên, nói về tác ý sở duyên của việc đã thành tựu. Nghĩa là tu tư duy như thế, như thế v.v.... Đây là môn đầu y cứ trong nhân, để phân biệt tác ý về việc đã hoàn thành này, nên gồm thâm bảy tác ý. Đây là y cứ vào bảy tác ý tùy phần thành xong. Kế là nói rằng: “Và duyên tác ý sở duyên thanh tịnh, căn cứ môn thứ hai này, chỉ y cứ quả, để nói việc làm đã hoàn thành, cho nên chỉ thuộc về tác ý của quả rất ráo gia hạnh.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Môn đầu dựa vào tu quả hữu vi đã thành tựu, nên chung thuộc về bảy tác ý. Y cứ môn thứ hai chỉ thuộc về quả rất ráo gia hạnh. Nghĩa là phần thứ hai ở trước, duyên tác ý sở duyên thanh tịnh chỉ ở quả Phậ, chuyển y vô vi, vì rất ráo hoàn thành.

Trước là tác ý thắng giải, tư duy lựa chọn đều là đối tượng không gồm thâm. Nếu xa-ma-tha thì đứng hàng đầu, gồm thâm tất cả. Nghĩa là trước kia nói rằng: “Tác ý thắng giải tư duy lựa chọn. Nghĩa là hoặc có người tư duy trước hết lựa chọn các pháp; hoặc xa-ma-tha là đứng đầu, tác ý thắng giải tư duy lựa chọn, tức là vì muốn tư tuệ thiện, chẳng phải thuộc bảy tác ý cõi Sắc. Nếu dựa vào Xa-ma-tha của cõi Sắc, khởi tác ý thắng giải tư duy lựa chọn kia, tức thuộc về bảy tác ý.”

Văn trước lại nói: “Tác ý vắng lặng. Nghĩa là do tác ý này, nên hoặc có người đặt tâm trước hết ở trong, hoa tỳ-bát-xá-na là đứng đầu.” Nay, nói rằng: “Nếu trước hết vắng lặng, hoặc tỳ-bát-xá-na là

đứng đầu, phải biết cũng thế, tức trước nói rằng: “Hoặc có người đặt tâm trước hết ở trong. Nếu đầu tiên dựa vào tâm cõi Dục, an trụ cảnh trong, gọi là tác ý vắng lặng, tức chẳng phải thuộc về bảy tác ý. Nếu dựa vào tu tuệ, Tỳ-bát-xa-na khởi tác ý vắng lặng, gọi là thuộc về bảy tác ý.

Sáu tác ý trước, gồm thâu chung một phần và phần tu v.v....”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Có tuệ giải thoát tu tuệ, chẳng phải định phàm phu. Được định căn bản, chưa chẳng tu tuệ.

Tác ý quả rất ráo y cứ ở vượt hơn, nghĩa là nói gồm thâu đủ phần tu. Đều là giải thoát, vì tu đủ phần.

Tác ý thuận theo, vì nhằm hoại đối tượng duyên, nên thuộc hai tác ý đầu.

Tác ý đối trị là vì đạo vô-gián, nên gồm thâu xa lìa, gia hạnh, rốt ráo và gồm một phần lạc. Gồm thâu tác ý lạc vì chung cả bốn đạo, nên thuận với tác ý thanh tịnh, chỉ thuộc gồm thâu một phần lạc.

Luận sư Cảnh nói: “Cách giải thích ở trước là thuận với tác ý thanh tịnh, nghĩa là do tác ý này, nên tu sáu tùy niệm, hoặc lại tư duy từ một sự mâu nhiệm. Trong tác ý gồm thâu lạc đó có đủ bốn đạo, còn tác ý thanh tịnh, thì chỉ gồm một phần đạo thắng tấn. Tu đạo lý sáu tùy niệm v.v... cũng gồm thâu chung tác ý quán sát kia, do đồng là đạo thù thắng và vì dễ biết, cho nên không nói. Cũng có thể tu sáu tùy niệm, hoặc tùy “duyên” một sự mâu nhiệm, chẳng phải dứt “hoặc”, vì thuộc về bốn đạo, chỉ là một phần tác ý nhiếp lạc kia, vì chẳng phải đạo Thắng tấn, không gồm thâu tác ý quán sát, thắng giải, tướng liễu kia, nên biết tác ý lạc gồm thâu chung bốn đạo và chẳng phải bốn đạo.”

Lại giải thích: “Nói thuận với tác ý, quán sát đoạn, chưa dứt, chỉ thuộc về tác ý quán sát. Đây là y cứ thuộc về đoạn đối trị. Nếu y cứ đạo khác thì tùy thích hợp phải biết, nghĩa là ở trước giải thích thuận với tác ý quán sát, là do tác ý này nên quán các phiền não dứt và chưa dứt. Hoặc lại quán sát bản thân mình đã chứng và đối tượng chứng ở trước, tác ý quán đạo lý các pháp v.v... Hoặc dựa vào quán các phiền não dứt và chưa dứt.

Giải thích thuận với tác ý quán sát, tức thuận với quán sát, chỉ gồm thâu tác ý quán sát, trong bảy chỉ có hai đều đồng với đạo đoạn đối trị làm phương tiện, cho nên nói rằng: “đây là nói theo đoạn đối trị”. Nếu dựa vào giải thích kế nói rằng “hoặc lại quán sát bản thân mình đã chứng và trước đó đã quán đạo lý v.v... các pháp” vẫn giải thích thuận với tác ý quán sát, tức thuận với tác ý quán sát tướng liễu riêng, chung,

thắng giải quán sát và quả gồm thâm bốn tác ý, chứ chẳng phải chỉ thuộc về tác ý quán sát kia, cho nên nói rằng: “Nếu y cứ tác ý khác thì tùy theo sự thích ứng nên biết”.

Pháp Sư Khuy Cơ giải thích: “Đây là nói theo đoạn đối trị, y theo đạo khác thì tùy theo sự thích ứng, nên biết”, vấn đề này có hai giải thích:

1/ “Chỉ giải thích thuận với tác ý quán sát dứt và chưa dứt, chỉ thuộc về tác ý quán sát, vì dựa vào đạo thắng tấn dứt đối trị của phẩm giữa ở trước. Nếu y cứ ở đạo khác, thì gia hạnh của đạo Vô gián sau cũng là gồm thâm tướng liễu, thắng giải, gồm thâm ba lạc. Nếu nói theo đoạn đối trị của phẩm hạ thì cũng thuộc về tác ý rốt ráo của quả gia hạnh, nên nói là: “tùy theo sự thích ứng”.

2/ “Nói chung, bốn tác ý ở trước thuộc về từ trên đến đây, nói theo nghĩa dứt riêng ba phẩm, dứt đối trị tăng thượng. Dựa vào nghĩa đủ khác, tùy ý tùy thuận sơ, nhị và gồm thâm quán sát lạc. Gồm thâm quán sát cũng có cả gia hạnh sau. Cho nên thuận với tác ý thanh tịnh, cũng thuộc về quán sát, thuận với tác ý quán sát dứt và chưa dứt, cũng gồm chung cả lạc, thuộc về quả rốt ráo gia hạnh. Vì nghĩa như trước đã nói, nên nói là tùy theo sự thích ứng.

Tác ý cố gắng đều không gồm thâm: Theo giải thích ở trước, tác ý sức cố gắng nghĩa là tu chủng nghiệp chưa được tác ý. Tất cả tác ý, nghĩa là với sức cố gắng trong tâm cõi Dục này, vì mới tu nên chưa được các tác ý trong định vị chí. Thế nên tác ý của sức cố gắng này chẳng thuộc về bảy tác ý của địa định.

Tác ý hữu quán có công dụng vận chuyển, cho đến thuộc về tác ý lạc. Luận sư Cảnh nói: “Hữu quán vận chuyển, có công dụng vận chuyển, hai tác ý này chỉ thuộc về bốn tác ý trước trong bảy. Nghĩa là tướng liễu, thắng giải, viễn ly, nhiếp lạc, cho nên nói rằng: “Cho đến thuộc về tác ý nhiếp lạc.

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Về tác ý hữu gián, quyển hai mươi tám chép: “Văn, tứ thuộc về tướng liễu vì gián cách.” Tác ý có công dụng, quyển hai mươi tám chép: “Văn, tứ thuộc về năm tác ý kế, vì đều khởi công dụng.” Trong đây do tác ý nhiếp lạc có cả đạo thắng, tấn, nên lược qua không nói, vì quán sát thắng tấn đồng, do tác ý rốt ráo gia hạnh được vận chuyển tự nhiên, nên gọi là tự nhiên vận chuyển, chẳng phải đương thời đã có thể tự nhiên vận chuyển.” Quyển hai mươi tám chép: “Chỉ quả gia hạnh không có công dụng vận chuyển. Trong quyển hai mươi tám có công dụng, gọi là vô-gián, vì đối lập với Hữu gián ở trước.

Tự nhiên chuyển, gọi là không có công dụng, đối với thế lực có công dụng ở trước.

Tác ý tư duy lựa chọn thuộc về tướng liễu. Nghĩa là dựa vào môn mới tu, vì phần nhiều khởi tuệ, nên chẳng phải không gồm thấu tác ý còn lại.

Tác ý nhiếp nội, gồm thắng giải: dựa vào sáng lập môn nội duyên vô-gián, chẳng phải không gồm thấu môn khác.

Tác ý tịnh chướng thuộc về quán sát. Nghĩa là y cứ ở tác ý quán sát, quán sát phiền não dứt và chưa dứt, vì thuận với thuận chướng, chẳng phải thật sự thuộc về tịnh chướng kia, vì chẳng phải chính là đạo Vô Giới.

Tác ý rộng lớn đều đã không gồm thấu. Nghĩa là niết-bàn vô trụ, bi trí kiến lập, hai lợi vận hành rộng, vì chẳng phải gồm thấu bảy, vì bảy chỉ lợi mình, chẳng phải thực hành rộng rãi.

Tác ý sơ biến hành, thuộc về quả rốt ráo. Nghĩa là trong biến hành trước có hai:

1. Nghĩa là vì Phật, Thế tôn là thuộc về quả.

2. Tất cả gồm thấu. Nghĩa là các Bồ-tát đã có phương tiện khéo léo đối với ba thừa và năm minh xứ, là công hạnh tự lợi, thuộc về bảy tác ý kia. Lại, tác ý tướng liễu, cho đến chuyển thành “duyên” kia, đây là giải thích lại.

Nói tướng liễu, thuộc người khác đã kiến lập, nghĩa là do nghe tiếng người khác và tự tác ý, nhất định là “duyên” kia:

1. Tướng: “liễu vì chung cho vãn, tu, nên thuộc về người khác đã kiến lập.

2. “Dù chỉ tu tuệ làm tánh, nhưng cũng duyên giáo ngoại sinh, nên thuộc về người khác đã kiến lập. Đây chính là tác ý tướng liễu của Thanh Văn.

Tác ý tướng liễu, thuộc nội tăng thượng thủ, chỉ lấy tư lương phước, trí ở trước làm duyên. Không có, tức là tự ngộ, tức là Độc giác và các Bồ-tát đã có tác ý tướng liễu. Ngoài ra, sáu thắng giải v.v... do tác ý trước nảy sinh tác ý sau.

Phần thứ hai, là giải thích riêng trong sở duyên sai khác được chia làm hai:

1. Vì duyên, tức là tướng.

2. nói riêng về tướng.

Do sở duyên (đối tượng duyên) này là cảnh của các tác ý. Sở dĩ tức tướng là vì đều là cảnh định v.v...

Trong phần nói riêng về tướng, trước là nói về bốn tướng, ba mươi hai tướng. Sau nói thuộc về tướng gốc ngọn.

Tướng sở duyên. Nghĩa là sự sở tri, thể, tướng phân biệt. Thể phân biệt là tâm, tâm sở (năng duyên, sở duyên).

Tướng phân biệt là tướng phần sở duyên (đối tượng duyên). Tâm định lấy kiến phần, tướng phần này làm sở duyên.

Tướng nhân duyên. Là tư lương của định, nghĩa là các nhân không có ăn năn, vui mừng, an ôn, v.v...

Không giữ bốn thứ như căn môn v.v... Như trước đã nói: 1/ Không giữ căn môn. 2/ Ăn không biết lượng. 3/ Đầu hôm gần sáng không thường thức giấc, siêng tu quán hạnh. 4/ Trụ bất chánh tri (địa Thỉnh Văn dưới đây sẽ nói rộng). Tướng hôn trầm điệu cử, tán loạn, như tên gọi tức là chúng.

Thể của chấp tướng là vô minh làm tánh. Hoặc là tánh ái, hoặc tất cả tánh phiền não như kiến, nghi v.v...

- “Thể nào là tướng sở y (đối tượng nương tựa) trong ba mươi hai tướng?” Đó là thể, tướng phân biệt, v.v... Nghĩa là nắm uẩn trong và hạt giống, tức là kiến phần, tướng phần, gọi là “sở y”. Sáu xứ như sắc, v.v... gọi là tướng sở y.

- Thế nào là tâm khởi tướng v.v... ? Đây có 2 tướng:

1. Tất cả tâm khởi tướng, tức kế thuyết trước nói: “Tác ý là 1 tướng, vì tất cả tâm sinh đều do tác ý.

2. Tâm đệ bát khởi tướng, nghĩa là tâm trong mười hai chi “duyên” theo hành, cũng “duyên” danh sắc mà sinh.

- Thế nào là tự tướng? Tướng, nghĩa là tự loại, tự tướng v.v...

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Tự tướng của tự loại, nghĩa là loại nắm uẩn, mỗi uẩn đều có tự tướng riêng, vì tự tướng của mỗi uẩn như nhau, v.v... khác nhau.”

Có giải thích: “Tự loại, nghĩa là tự tướng của xứ. Điều riêng, nghĩa là tự tướng của xứ.”

Trong đây, đã xuất ly đoạn, không tu phương tiện, nghĩa là quán hữu tham v.v....

Luận sư Cảnh nói: “Đây là kết mười cặp không có tâm nhiễm, nghĩa là vô tham, sân, si, cho đến tâm đã giải thoát, quán hữu tham v.v....

Tu phương tiện, nghĩa là quán lược, thấp v.v.... mười cặp kiết này có tâm nhiễm ô. Nghĩa là có tâm tham, sân, si, thấp, tâm lược, cho đến tâm không giải thoát. Tâm có tham, không có tham; có sân, không có

sân; có si, không có si, tâm ít, tâm nhiều; tâm lược, tâm rộng; tâm thấp; tâm cao cử, cho đến tâm nên tu, không nên tu, có giải thoát, không giải thoát.”

Pháp sư Thối, Pháp sư Cơ đồng nói: “Các người xuất gia gọi là đã xuất ly. Ở đây có hai loại:

Một loại không tu phương tiện niết-bàn, nghĩa là quán có tham, không tham; sân, không sân; có si, không si v.v...

Một loại tu phương tiện niết-bàn, nghĩa là quán tâm lược, tâm rộng, tâm thấp, tâm cao, cho đến tâm thiện giải thoát, tâm bất thiện giải thoát. Quán ba đời trước về tướng không nhiễm ô, vì chẳng phải nhất định thuận với xuất thế, vì bảy cặp sau thuận với xuất thế.”

Pháp Sư Khuy Cơ lại giải thích: “Hoặc thuận với định, gọi là tu phương tiện, không thuận với định là không tu phương tiện, chẳng nhất định xuất thế.”

Lại giải thích: “Người không tu phương tiện, là người vô học, đã được xuất ly, lại vì không tu phương tiện, nên chỉ quán tâm ba cặp như có tham v.v.... Nếu người tu phương tiện, nghĩa là người hữu học, quán tâm bảy đời như lược thấp v.v..., vì thuận với xuất ly của Vô học.

- Thế nào là tướng sáng suốt? Nghĩa là có bóng tối đối trị với ; pháp sáng suốt, nghĩa là trong cái thức ăn trước nói có ba thứ ánh sáng. Pháp sáng suốt này chính là hai thứ đầu.

Trụ quán ở ngôi v.v..., nghĩa là nhắc lại ba câu kinh mà giải thích riêng.

Luận sư Cảnh nói: “Đứng là hiện tại, ngôi là vị lai. Hoặc đi ở sau quán sát trước. Nghĩa là lấy sau sau, hay lấy quán trước trước. Pháp năng lấy (chủ thể lấy), tức lấy tâm sau quán sát tâm trước.”

Pháp Sư Khuy Cơ lại nói: “Vị lai gọi là ngôi, hiện tại gọi là đứng. Từ ngôi vị lai, vì đứng dậy là hiện tại, tức hiện tại này cũng gọi là ngôi. Quá khứ gọi là nằm, vì ngôi mới nằm. Vì quá khứ thời diệt, nên đặt tên là nằm.”

_ “Sao tướng nhập định cho là do nhân duyên” v.v...? Trừ tướng nên xa lìa trong bốn tướng ở trước, vì ba tướng này thuận với nhập định.

- “Sao tướng xuất định lại cho là thể phân biệt? Đối tượng không gồm thân tướng của địa bất định?”

Pháp Sư Khuy Cơ nói: “Dù tâm định, tâm tán loạn, nhưng thể vẫn có cả phân biệt, thể của tâm tán này không thuộc về định, tướng của địa bất định, gọi là tướng xuất định, hoặc thể của phân biệt là định vô lậu,

đối tượng không gồm thâu.

Tướng của địa bất định, gọi là tướng xuất định.”

Nay, lại giải thích rằng: “Tâm tán gọi là phân biệt, thể không thuộc về định, nên gọi là tướng của địa bất định.”

- “Thế nào là tướng dẫn phát?” Nghĩa là đạo có khả năng dẫn các văn cú nghĩa lược rộng. Đây là thông tự tại của thánh. Dùng trí tiếng nói tự tại, gồm thâu các văn cú rộng, hội nhập trong một chữ. Do một chữ này gồm thâu vô lượng nghĩa của văn cú.

Thông này dựa vào định dẫn phát, gọi là tướng dẫn phát, cho đến dẫn phát tất cả công đức, (tướng gồm thâu rất dễ hiểu).

